

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đặng Huyền Trang
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
TẠI CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN -
VINASHIN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đặng Huyền Trang
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Đồng Thị Nga**

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đặng Huyền Trang

Mã SV: 1213401034

Lớp: QTL 601K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH

Nội thất thủy SEJIN - VINASHIN

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ)
 - Lý luận chung về vốn bằng tiền và tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp
 - Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin – Vinashin.
 - Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin – Vinashin
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Tất cả các số liệu, sổ sách kế toán năm 2012 tại đơn vị thực tập và một số mẫu bảng biểu của Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp: Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin – Vinashin.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Đồng Thị Nga

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin – Vinashin.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 7 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu Trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.
- Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn cho bài viết thêm sinh động.
- Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.
- Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đề tài đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn trong công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin – Vinashin.
- Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

- Điểm bằng số:
- Điểm bằng chữ:

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: TÌM HIỂU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Tổng quát về kế toán vốn bằng tiền	2
1.1.1. Khái niệm và phân loại kế toán vốn bằng tiền.....	2
1.1.2. Đặc điểm, nhiệm vụ vai trò và nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền	2
1.2. Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp.....	4
1.2.1. Khái niệm	4
1.2.2. Nguyên tắc hạch toán	4
1.2.3. Chứng từ hạch toán tiền mặt tại quỹ	5
1.2.4. Tài khoản sử dụng	6
1.2.5. Phương pháp hạch toán	6
1.2.5.1. Kế toán tình hình biến động tiền mặt Việt Nam	6
1.2.5.2. Kế toán tình hình biến động ngoại tệ tại quỹ	12
1.2.5.3. Kế toán tình hình biến động vàng bạc, kim khí, đá quý tại quỹ	15
1.3. Tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng	17
1.3.1. Khái niệm	17
1.3.2. Nguyên tắc hạch toán	17
1.3.3. Chứng từ hạch toán tiền gửi ngân hàng	18
1.3.4. Tài khoản sử dụng	18
1.3.5. Phương pháp hạch toán	19
1.3.5.1. Kế toán tình hình biến động tiền gửi ngân hàng là tiền Việt Nam	19
1.3.5.2. Kế toán tình hình biến động tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ	23
1.4. Tổ chức kế toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp	28
1.4.1. Nội dung chủ yếu của kế toán tiền đang chuyển	28
1.4.2. Chứng từ sử dụng	28
1.4.3. Tài khoản sử dụng	28
1.4.4. Phương pháp hạch toán	29
1.5. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền dưới các hình thức kế toán	31
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN VINASHIN.	37
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin.	37
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty	37

2.1.1.1. Lịch sử hình thành.....	37
2.1.1.2. Quá trình phát triển của công ty.....	37
2.1.2. Khái quát bộ máy quản lý của công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin.....	39
2.1.2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty	39
2.1.2.2. Tổ chức công tác kế toán của công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin.	43
2.1.2.3. Hình thức kế toán, các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin.....	45
2.2. Thực trạng kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin.	49
2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ tại công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin.....	49
2.2.1.1. Tài khoản, chứng từ và sổ sách sử dụng	49
2.2.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt tại quỹ của công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin.	50
2.2.1.3. Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt tại công ty.....	51
2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin.....	71
2.2.2.1. Tài khoản, chứng từ và sổ sách sử dụng	71
2.2.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin	72
2.2.2.3. Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng tại công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin.....	72
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN VINASHIN.....	87
3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán và kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin.....	87
3.1.1. Ưu điểm và nhược điểm của công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty	87
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin.....	89
3.2.1. Hoàn thiện về hệ thống sổ sách.....	90
3.2.2. Hoàn thiện việc hạn chế chi tiêu tiền mặt, tăng chi tiêu tiền gửi ngân hàng.....	95
3.2.3. Hoàn thiện việc kiểm kê quỹ được tiến hành vào cuối tháng:.....	95
KẾT LUẬN	98
<i>Danh mục tài liệu tham khảo</i>	<i>99</i>

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường của đất nước ta và trong thời kỳ kinh tế khủng hoảng lan rộng trên toàn thế giới, các doanh nghiệp ngày càng cạnh tranh gay gắt và muốn củng cố thị trường của mình. Để có thể đứng vững và phát triển được trong môi trường đó, một trong những yếu tố mà doanh nghiệp cần phải có chính là nâng cao hiệu quả của công tác kế toán doanh nghiệp.

Đặc biệt trong các phân hành công tác kế toán, công tác hạch toán vốn bằng tiền là không thể thiếu và là phân hành quan trọng để có thể quản lý chặt chẽ về nguồn vốn trong công ty đảm bảo cho việc sử dụng vốn một cách hiệu quả và hợp lý.

Chính vì những lý do trên nên trong quá trình thực tập tại công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin, em đã lựa chọn cho mình đề tài nghiên cứu: “Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty TNHH Nội thất thủy SEJIN – VINASHIN”. Trong đề tài này em đã đi sâu vào thực tiễn và vận dụng những kiến thức đã tiếp thu được về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty, đưa ra những nhận xét và biện pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán vốn bằng tiền tại công ty nhằm nâng cao hiệu quả việc kinh doanh.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận gồm 3 phần:

Phần 1: tìm hiểu tổng quan về phương pháp hạch toán kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

Phần 2: thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin

Phần 3: một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin

Trong thời gian thực hiện khóa luận em đã nhận được sự giúp đỡ tận tình của Ths. Đồng Thị Nga và các cán bộ trong phòng kế toán của công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin. Vì trình độ còn hạn chế, thời gian có hạn nên bài khóa luận của em chắc chắn sẽ không tránh khỏi những sai sót, em rất mong sự góp ý của các thầy cô giáo và các bạn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày....tháng... năm 2014

Sinh viên

Đặng Huyền Trang

CHƯƠNG 1: TÌM HIỂU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quát về kế toán vốn bằng tiền

1.1.1. Khái niệm và phân loại kế toán vốn bằng tiền

a. *Khái niệm:*

Vốn bằng tiền của doanh nghiệp là một bộ phận của tài sản lưu động, được biểu hiện dưới hình thức tiền tệ và thực hiện chức năng phương tiện thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh. Vốn bằng tiền đứng đầu trong hệ thống tài khoản nhờ khả năng thanh toán kịp thời và tính linh hoạt của nó

b. *Phân loại vốn bằng tiền*

- Theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp:

+ Tiền Việt Nam: là các loại giấy bạc do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp

+ Tiền ngoại tệ: là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt Nam như đôla Mỹ (USD), bảng Anh (GBP), đồng yên Nhật (JPY)...

+ Vàng bạc, kim loại quý, đá quý, ngân phiếu: là tiền thực chất nhưng được lưu trữ làm mục đích an toàn chứ không vì mục đích thanh toán trong kinh doanh

- Theo địa điểm bảo quản:

+ Tiền mặt tại quỹ: tiền Việt Nam, ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim loại quý, đá quý, được giữ lại kết của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi dùng trực tiếp trong hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp

+ Tiền gửi ngân hàng: tiền Việt Nam, ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc quý được gửi trong tài khoản của doanh nghiệp trong ngân hàng

+ Tiền đang chuyển: là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác

1.1.2. Đặc điểm, nhiệm vụ vai trò và nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền

a. *Đặc điểm của vốn bằng tiền*

- Trong quá trình sản xuất kinh doanh, vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư hàng hóa trong sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu

hồi các khoản nợ. Vì vậy quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ.

- Vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận ăn cắp. Bởi vậy trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp hoặc lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước

b. Vai trò của kế toán vốn bằng tiền

- Vốn bằng tiền có một vai trò rất quan trọng, nó quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền được sử dụng trong việc thanh toán các khoản nợ hoặc mua sắm vật tư, hàng hóa của doanh nghiệp. Thiếu vốn là một trong những khó khăn trở ngại đến việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong mọi hoạt động của doanh nghiệp việc quản lý và sử dụng vốn là khâu quan trọng có tính quyết định tới sự phát triển của doanh nghiệp.

- Kế toán cung cấp các thông tin tài chính giúp cho giám đốc và những người quản lý doanh nghiệp nắm vững tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như việc sử dụng vốn để từ đó thấy được mặt mạnh để phát huy và mặt yếu để khắc phục

c. Nhiệm vụ

- Phản ánh chính xác, kịp thời những khoản thu chi và tình hình tăng giảm thừa thiếu của từng loại vốn bằng tiền

- Kiểm tra thường xuyên tình hình thực hiện, sử dụng và quản lý vốn bằng tiền, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng. Phát hiện ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong kinh doanh

- Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ. Thường xuyên đối chiếu số liệu của thủ quỹ với kế toán tiền mặt để đảm bảo tính cân đối thống nhất.

d. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền

- Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là “đồng Việt Nam”, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác

- Nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra “đồng Việt Nam” theo tỉ giá hối đoái tại ngày giao dịch (tỉ giá giao dịch thực tế hoặc tỉ giá

giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán

- Trường hợp mua ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt, gửi ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỉ giá mua vào hoặc tỉ giá thanh toán

Nếu có chênh lệch tỉ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này trên các TK 515, 635 – doanh thu hoặc chi phí tài chính hoặc TK 413 – chênh lệch tỉ giá hối đoái

Ngoại tệ được kế toán chi tiết theo từng loại ngoại tệ trên TK 007 “ngoại tệ các loại” (tài khoản ngoài bảng cân đối)

- Đối với vàng bạc, kim loại quý, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho những doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc, kim khí quý, đá quý. Vàng bạc, kim khí, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất, giá trị của từng loại. Giá trị của vàng bạc, kim khí đá quý được tính theo giá thực tế (giá thực tế hoặc giá được thanh toán). Vàng bạc, kim khí đá quý nhận ký cược, ký quỹ theo giá nào thì xuất theo giá ấy

Khi tính giá xuất vàng bạc, kim khí đá quý có thể áp dụng 1 trong 4 phương pháp tính giá hàng tồn kho là: bình quân gia quyền, LIFO, FIFO, thực tế đích danh.

e. Tài khoản sử dụng

- TK 111 “ tiền mặt” dùng để phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm của các loại tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp

- TK 112 “tiền gửi ngân hàng” dùng để phản ánh tình hình hiện có biến động tăng giảm của các loại tiền của doanh nghiệp đang được gửi tại các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác.

- TK 113 “tiền đang chuyển” dùng để phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm của các loại tiền của doanh nghiệp đang trong thời gian làm thủ tục thanh toán.

1.2. Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp

1.2.1. Khái niệm

- Tiền mặt là số vốn bằng tiền do thủ quỹ bảo quản tại quỹ hoặc kết của doanh nghiệp bao gồm tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí đá quý.

1.2.2. Nguyên tắc hạch toán

- Chỉ phản ánh vào TK 111 số tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí đá quý thực tế nhập, xuất quỹ
- Các khoản tiền, vàng bạc, kim khí đá quý do đơn vị hoặc cá nhân khác ký cược, ký quỹ tại đơn vị thì quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị. Riêng vàng bạc, kim khí đá quý trước khi nhập quỹ phải làm đầy đủ các thủ tục về cân đo, đóng đếm số lượng, trọng lượng, chất lượng, sau đó tiến hành niêm phong có xác nhận của người ký cược, ký quỹ trên dấu niêm phong.
- Khi tiến hành nhập xuất quỹ phải có phiếu thu chi hoặc chứng từ nhập xuất vàng bạc, kim khí đá quý và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ hạch toán.
- Kế toán tiền mặt chịu trách nhiệm mở sổ và giữ sổ quỹ, ghi chép theo trình tự phát sinh các khoản thu chi tiền mặt, ngân phiếu, vàng bạc, kim khí đá quý tính ra số tiền tồn quỹ ở mọi thời điểm. Riêng vàng bạc, kim khí đá quý nhận ký cược phải theo dõi riêng trên một sổ hoặc một phần sổ.
- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ, gửi vào ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán, sổ kế toán tài khoản 1112, 1122 theo 1 trong 4 phương pháp: bình quân gia quyền, LIFO, FIFO, thực tế đích danh.

1.2.3. Chứng từ hạch toán tiền mặt tại quỹ

- Phiếu thu (mẫu số 01 – TT): gồm 3 liên được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền mặt Việt Nam, ngoại tệ đã thu trong kỳ theo từng nguồn thu.
- Phiếu chi (mẫu số 02 – TT): gồm 3 liên được sử dụng làm căn cứ để hạch toán số tiền đã chi của đơn vị trong kỳ, là căn cứ xác định trách nhiệm vật chất của người nhận tiền.

Ngoài ra còn có các chứng từ sau:

- Giấy đề nghị tạm ứng (mẫu số 03 – TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (mẫu số 05 – TT)
- Biên lai thu tiền (mẫu số 06 – TT)
- Bảng kê vàng bạc, kim khí đá quý (mẫu số 07 – TT)
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho VNĐ) (mẫu số 08a – TT)

- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho ngoại tệ, vàng bạc, kim khí đá quý) (mẫu số 08b – TT)
- Bảng kê chi tiền (mẫu số 09 – TT)
- Hóa đơn GTGT

1.2.4. Tài khoản sử dụng

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 111 “tiền mặt

Nợ	TK 111	Có
Số dư đầu kỳ: các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt từ kỳ trước. Phát sinh tăng: -Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ -Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê. -Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ)		Phát sinh giảm: -Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ -Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê. -Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ)
Tổng PS tăng		Tổng PS giảm
Số dư cuối kỳ: các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt cuối kỳ này.		

TK 111 có các TK cấp 2 như sau:

- TK 1111: tiền Việt Nam: phản ánh tình hình thu chi tồn quỹ tiền Việt Nam
- TK 1112: ngoại tệ: phản ánh tình hình thu chi tăng giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá quy đổi ra đồng Việt Nam
- TK 1113: vàng bạc, kim khí đá quý: phản ánh giá trị vàng bạc, kim khí đá quý nhập xuất tồn quỹ

1.2.5. Phương pháp hạch toán

1.2.5.1. Kế toán tình hình biến động tiền mặt Việt Nam

1. Thu tiền mặt do bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhập quỹ tiền mặt của đơn vị

- Trường hợp bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ thuộc đối tượng chưa thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa thuế GTGT

Nợ TK 111 – tiền mặt (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá bán chưa có thuế GTGT)

Có TK 512 – doanh thu bán hàng nội bộ (giá bán chưa thuế GTGT)

Có TK 3331 – thuế GTGT phải nộp (33311)

- Khi bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán

Nợ TK 111 – tiền mặt

Có TK 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tổng giá thanh toán)

Có TK 512 – doanh thu bán hàng nội bộ (tổng giá thanh toán)

2. Khi nhận được tiền của Ngân sách Nhà nước thanh toán về khoản trợ cấp, trợ giá bằng tiền mặt:

Nợ TK 111 – tiền mặt

Có TK 333 – thuế và các khoản phải nộp nhà nước (3339)

3. Khi phát sinh các khoản doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ và doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ (như thu lãi đầu tư tài chính ngắn hạn, thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ..) bằng tiền mặt nhập quỹ:

Nợ TK 111 – tiền mặt (tổng giá thanh toán)

Có TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính (giá chưa có thuế GTGT)

Có TK 711 – thu nhập khác (giá chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 – thuế GTGT phải nộp (33311)

4. Khi phát sinh các khoản doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không đối tượng chịu thuế GTGT bằng tiền mặt khi nhập quỹ:

Nợ TK 111 – tiền mặt

Có TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 711 – thu nhập khác

5. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt, vay dài hạn, ngắn hạn, vay khác bằng tiền mặt (tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ) :

Nợ TK 111 – tiền mặt (1111, 1112)

Có TK 112 – TGNH (1121, 1122)

Có TK 311, 341... – vay ngắn hạn, dài hạn...

6. Thu hồi các khoản nợ phải thu và nhập quỹ tiền mặt của doanh nghiệp

Nợ TK 111 – tiền mặt (1111, 1112)

Có TK 131 – phải thu khách hàng

Có TK 136 – phải thu nội bộ

Có TK 138 – phải thu khác (1388)

Có TK 141 – thu hồi tạm ứng thừa

7. Thu hồi các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thu hồi các khoản tiền cho vay nhập quỹ tiền mặt:

Nợ TK 111 – tiền mặt (1111, 1112)

Có TK 121 – đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Có TK 128 – đầu tư ngắn hạn khác

Có TK 138 – phải thu khác

Có TK 144 – cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Có TK 244 – ký quỹ, ký cược dài hạn

Có TK 228 – đầu tư dài hạn khác

8. Nhận khoản ký quỹ, ký cược của các đơn vị khác bằng tiền mặt, ngoại tệ:

Nợ TK 111 – tiền mặt (1111, 1112)

Có TK 338 – phải trả, phải nộp khác (khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn)

Có TK 344 – nhận ký cược, ký quỹ dài hạn

9. Các khoản thừa quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa rõ nguyên nhân:

Nợ TK 111 – tiền mặt

Có TK 338 – phải trả, phải nộp khác (3381)

10. Khi nhận được vốn do được giao, nhận vốn góp bằng tiền mặt:

Nợ TK 111 – tiền mặt

Có TK 411 – nguồn vốn kinh doanh

11. Xuất quỹ tiền mặt gửi vào tài khoản tại Ngân hàng:

Nợ TK 112 – TGNH

Có TK 111 – tiền mặt

12. Xuất quỹ tiền mặt đem đi ký quỹ, ký cược :

Nợ TK 144 – cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Nợ TK 244 – ký quỹ, ký cược dài hạn

Có TK 111 – tiền mặt

13. Xuất quỹ tiền mặt mua TSCĐ đưa ngay vào sử dụng

- Trường hợp mua TSCĐ về sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 211 – tài sản cố định hữu hình (giá mua chưa thuế GTGT)

Nợ TK 213 – tài sản cố định vô hình (giá mua chưa thuế GTGT)

Nợ TK 133 – thuế GTGT được khấu trừ (1332)

Có TK 111 – tiền mặt

- Trường hợp mua TSCĐ về sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc sử dụng cho hoạt động sự nghiệp, dự án được trang trải bằng nguồn kinh phí sự nghiệp, dự án hoặc sử dụng cho hoạt động văn hóa, phúc lợi được trang trải bằng quỹ khen thưởng, phúc lợi :

Nợ TK 211, 213,...(tổng giá thanh toán)

Có TK 111 – tiền mặt (tổng giá thanh toán)

Nếu TSCĐ mua sắm bằng nguồn vốn đầu tư XD CB hoặc quỹ đầu tư phát triển và được dùng vào sản xuất kinh doanh, kế toán ghi tăng nguồn vốn kinh doanh. Khi quyết toán vốn đầu tư XD CB được duyệt:

Nợ TK 441, 414,...

Có TK 411 – nguồn vốn kinh doanh

14. Xuất quỹ tiền mặt chi cho hoạt động đầu tư XD CB chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phải qua lắp đặt để dùng vào sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 241 – XD CB dở dang

Nợ TK 133 – thuế GTGT được khấu trừ (1332)

Có TK 111 – tiền mặt

15. Xuất quỹ tiền mặt mua NVL, CCDC, hàng hóa nhập kho để dùng vào sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ (theo phương pháp kê khai thường xuyên)

Nợ TK 152 – nguyên vật liệu

Nợ TK 153 – công cụ dụng cụ (giá mua chưa có thuế)

Nợ TK 156 – hàng hóa

Nợ TK 157 – hàng gửi đi bán

Nợ TK 133 – thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 111 – tiền mặt (giá bao gồm thuế GTGT)

16. Xuất quỹ tiền mặt mua vật tư, hàng hóa dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Nợ TK 611 – mua hàng (6111, 6112)

Nợ TK 133 – thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 111 – tiền mặt

17. Xuất quỹ tiền mặt thanh toán các khoản nợ phải trả:

Nợ TK 311 – vay ngắn hạn

Nợ TK 315 – nợ dài hạn đến hạn trả

Nợ TK 331 – phải trả người bán

Nợ TK 334 – phải trả người lao động

Nợ TK 336 – phải trả nội bộ

Nợ TK 338 – phải trả, phải nộp khác

Có TK 111 – tiền mặt

18. Doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ khi mua NVL sử dụng ngay vào sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bằng tiền mặt phát sinh trong kỳ:

Nợ TK 621, 623, 627, 641, 642,...

Nợ TK 133 – thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 111 – tiền mặt

19. Xuất quỹ tiền mặt sử dụng cho hoạt động tài chính, hoạt động khác:

Nợ TK 635, 811,...

Nợ TK 133 – thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

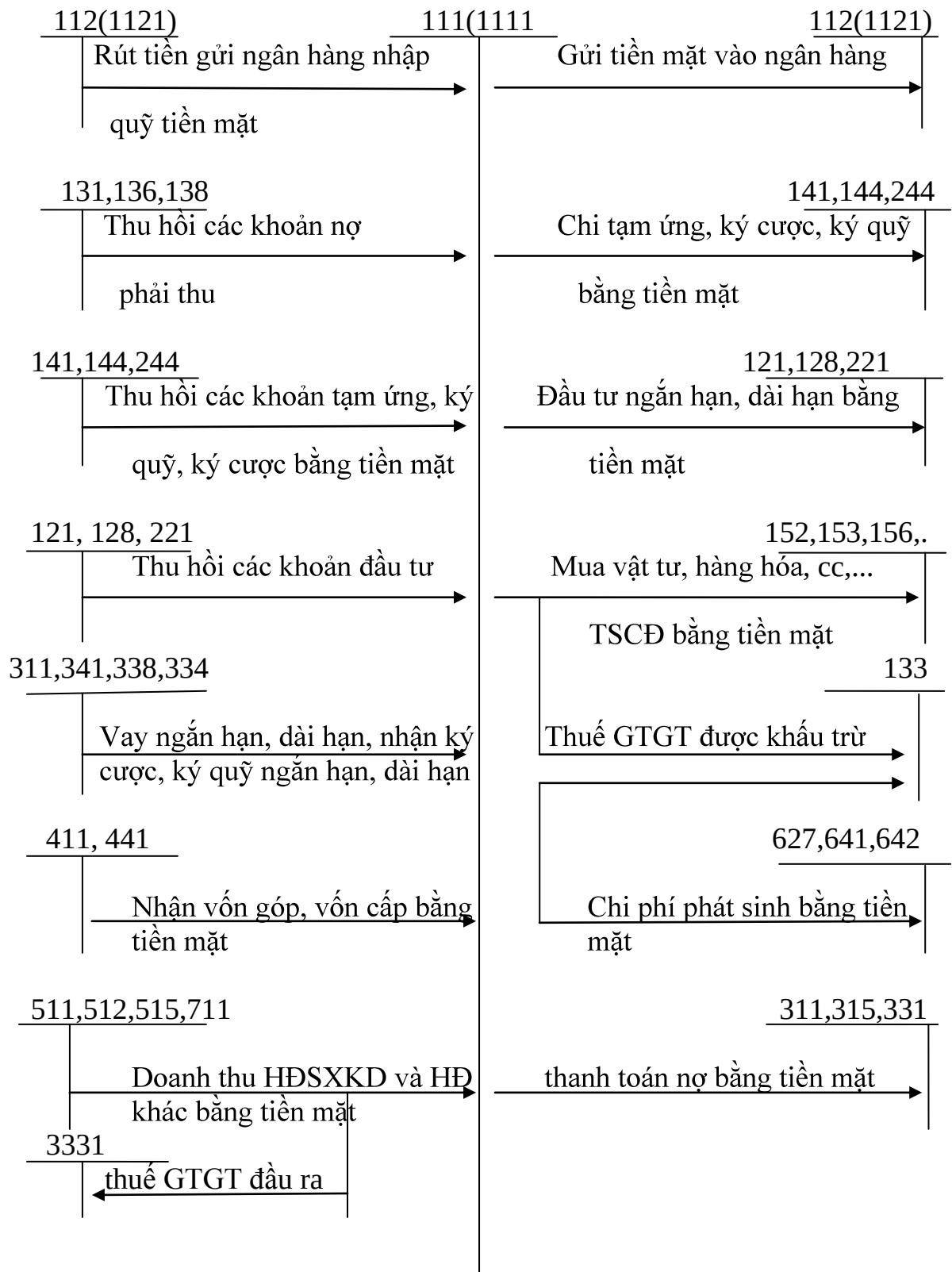
Có TK 111 – tiền mặt

20. Các khoản thiếu quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa xác định rõ nguyên nhân:

Nợ TK 138 – phải thu khác (1381)

Có TK 111 – tiền mặt

Sơ đồ 1.1. Kế toán tiền mặt (VNĐ)



1.2.5.2. Kế toán tình hình biến động ngoại tệ tại quỹ

1. Khi mua hàng hóa, dịch vụ thanh toán bằng tiền mặt là ngoại tệ:

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch mua ngoài vật tư, hàng hóa,..

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 157, 211,...(theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Nợ TK 635 – chi phí hoạt động tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 (1112) (theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi bên Có TK 007 – ngoại tệ các loại (tài khoản ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch mua ngoài vật tư, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 157, 211, 213, 241, 623, 627, 641, 642,...(theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Có TK 111 (1112) (theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính (lãi tỷ giá hối đoái)

Đồng thời ghi Có TK 007 – ngoại tệ các loại (tài khoản ngoài bảng CĐKT)

- Khi nhận vật tư hàng hóa, TSCĐ của nhà cung cấp hoặc khi vay ngắn hạn, vay dài hạn, nợ dài hạn hoặc nhận nợ nội bộ... bằng ngoại tệ, căn cứ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch :

Nợ các TK 152, 155, 156, 211,...(theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Có các TK 331, 311, 341, 342, 336...(theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

2. Khi thanh toán nợ phải trả

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải trả:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,...(tỷ giá ghi sổ kế toán)

Nợ TK 635 – chi phí hoạt động tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 (1112) (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi Có TK 007 – ngoại tệ các loại (tài khoản ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong giao dịch thanh toán nợ phải trả

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,...(tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính (lãi tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 (1112) (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi Có TK 007 – ngoại tệ các loại (tài khoản ngoài bảng CĐKT)

3. Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ là tiền mặt:

Nợ TK 111 (1112) (tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng)

Có các TK 511, 515, 711,...(tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng)

4. Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ, nếu phát sinh lỗ tỷ giá ghi:

Nợ TK 111 (1112) (tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Nợ TK 635 – chi phí tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có các TK 131, 136, 138,...(tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi Nợ TK 007 – ngoại tệ các loại (tài khoản ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ:

Nợ TK 111 (1112) (tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Có TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính (lãi tỷ giá hối đoái)

Có TK 131, 136, 138,...(tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi Nợ TK 007 – ngoại tệ các loại (tài khoản ngoài bảng CĐKT)

5. Khi mua vật tư, dịch vụ, TSCĐ, thiết bị:

- Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá:

Nợ các TK 151, 152, 211, 213, 241,...(tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Nợ TK 413 – chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 (1112) (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi Có TK 007 – ngoại tệ các loại

- Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá:

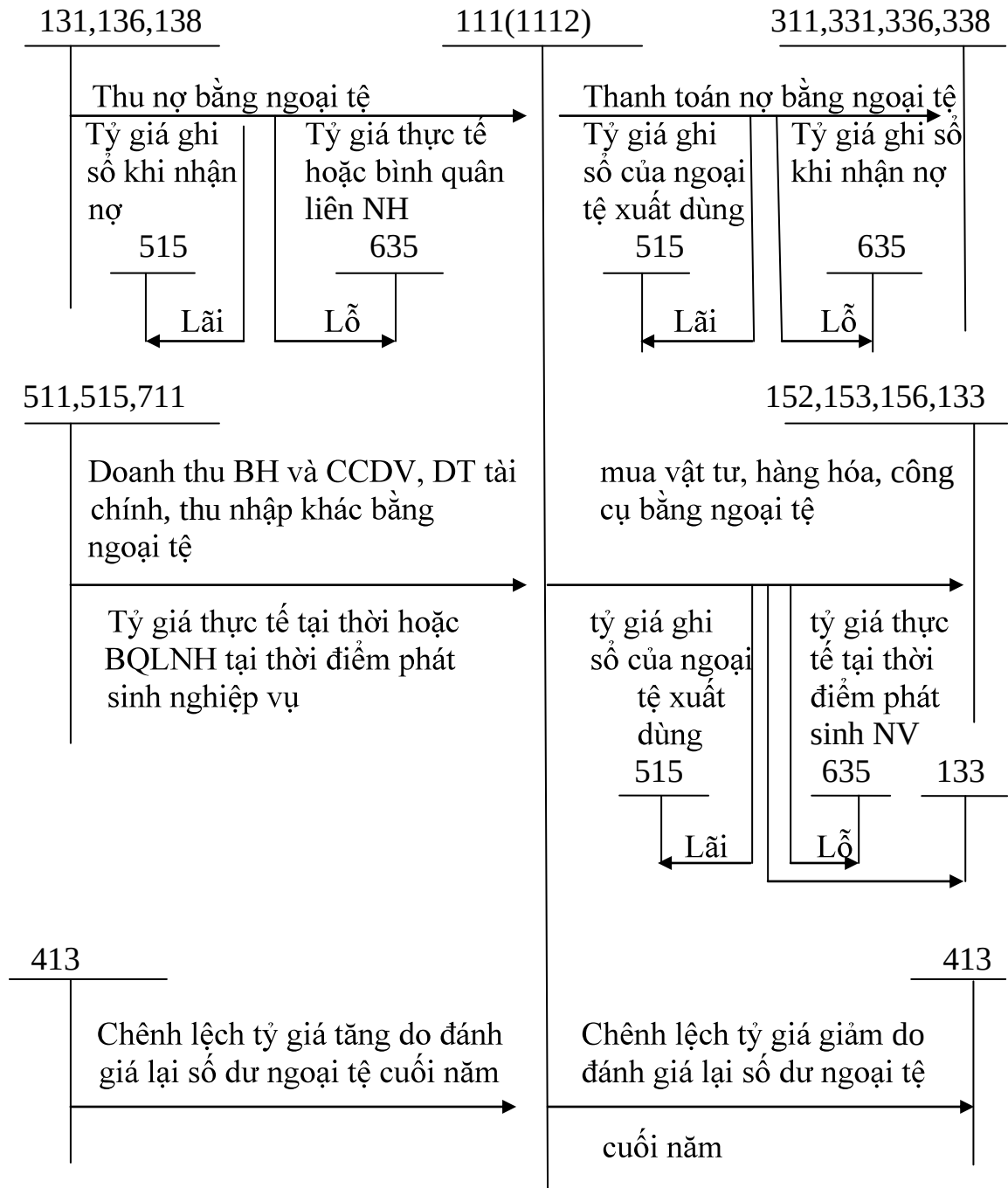
Nợ các TK 151, 152, 211, 213, 241,...(tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch)

Có TK 413 – chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) (lãi tỷ giá hối đoái)

Có TK 111 (1112) (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi Có TK 007 – ngoại tệ các loại

Sơ đồ 1.2. Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 – ngoại tệ các loại (tài khoản ngoài bảng CĐKT)

TK 007

Thu nợ bằng ngoại tệ
Doanh thu, doanh thu tài chính,
thu nhập khác bằng ngoại tệ

Thanh toán nợ bằng ngoại tệ
mua vật tư, hàng hóa, công cụ
bằng ngoại tệ

1.2.5.3. Kế toán tình hình biến động vàng bạc, kim khí, đá quý tại quỹ

Đối với các doanh nghiệp không có chức năng kinh doanh vàng bạc, đá quý, khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các tài sản này thì phản ánh vào tài khoản 111 (1113). Do vàng bạc, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán,... Các loại vàng bạc, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế mua vào và tính giá vốn thực tế bán theo các phương pháp như: phương pháp giá đơn vị bình quân, LIFO, FIFO, phương pháp đặc điểm riêng.

1. Mua vàng bạc, kim khí đá quý nhập quỹ:

Nợ TK 111 (1113) (giá mua thực tế ghi trên hóa đơn)

Có TK 111, 112 (giá mua thực tế ghi trên hóa đơn)

2. Nhận ký cược, ký quỹ bằng vàng bạc, kim khí đá quý:

Nợ TK 111 (1113) (giá thực tế nhập)

Có TK 338 (3388) – nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn]

Có TK 334 – nhận ký cược, ký quỹ dài hạn

3. Khách hàng trả nợ cho doanh nghiệp bằng vàng bạc, kim khí đá quý

Nợ TK 111 (1113) (giá trị thực tế khi được thanh toán)

Có TK 131 – phải thu khách hàng (giá thực tế lúc ghi nhận phải thu)

Có TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính (giá thực tế lúc được thanh toán < giá lúc ghi nhận nợ phải thu)

4. Hoàn trả ký cược, ký quỹ ngắn hạn, dài hạn bằng vàng bạc, kim khí đá quý:

Nợ TK 338 (3388) – nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn

Nợ TK 334 – nhận ký cược, ký quỹ dài hạn

Có TK 111 (1113) (theo giá thực tế lúc ghi nhận ký cược ký quỹ)

5. Xuất vàng bạc, kim khí đá quý đem ký cược, ký quỹ

Nợ TK 144 – ký cược, ký quỹ ngắn hạn

Nợ TK 244 – ký cược, ký quỹ dài hạn

Có TK 111 (1113) (theo giá xuất thực tế)

6. Xuất vàng bạc, kim khí đá quý để thanh toán nợ cho người bán

Nợ TK 331 – phải trả người bán (giá lúc ghi nhận nợ phải trả)

Có TK 111 (1113) (theo giá xuất thực tế)

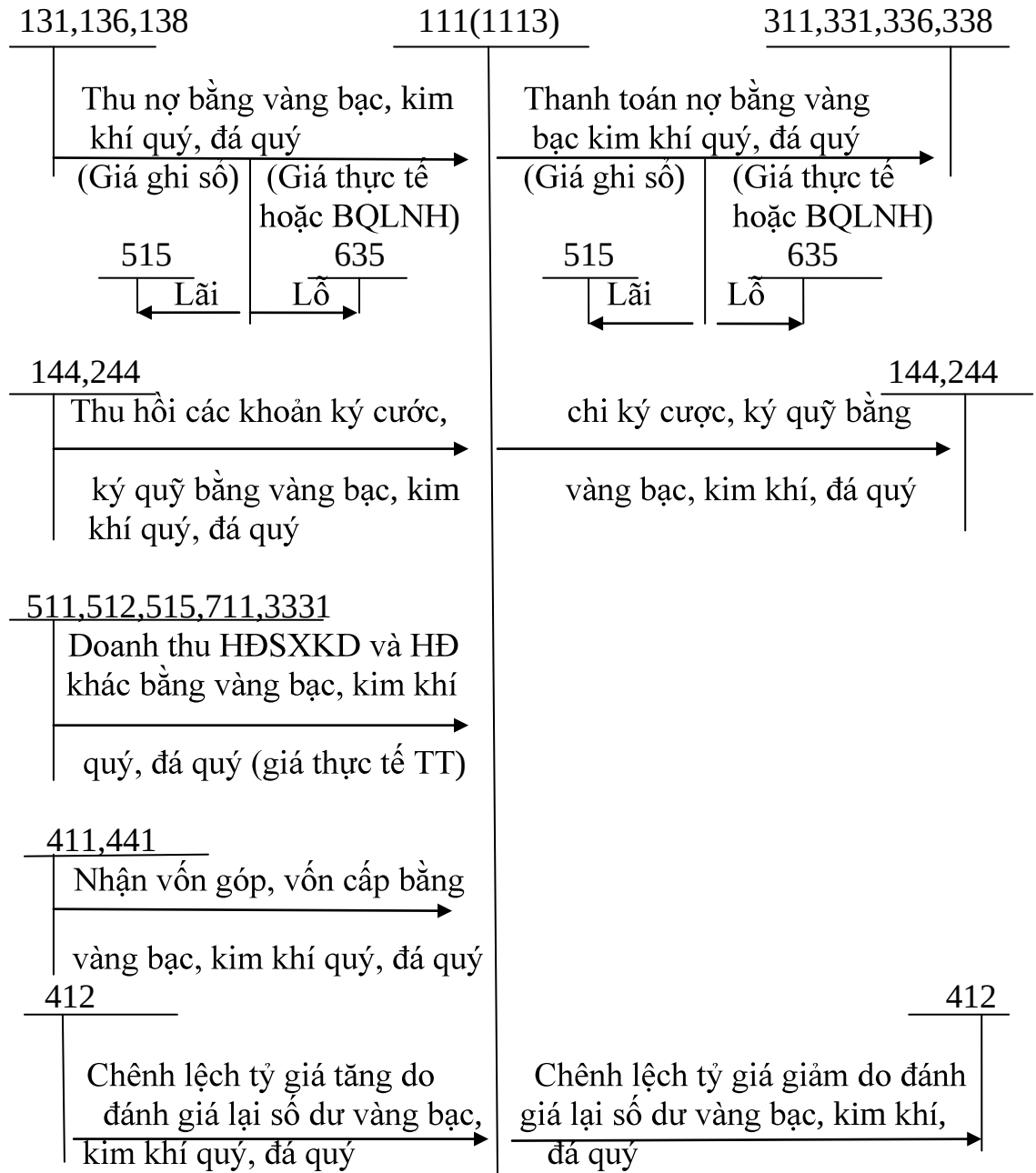
Có TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính (chênh lệch do giá thực tế xuất < giá thực tế lúc ghi nhận nợ phải trả)

Hoặc

Nợ TK 331 – phải trả người bán (giá lúc ghi nhận nợ phải trả)

Nợ TK 635 – chi phí tài chính (giá thực tế xuất > giá thực tế lúc ghi nhận nợ phải trả)

Sơ đồ 1.3. Kế toán vàng bạc, kim khí đá quý tại quỹ



1.3. Tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng

1.3.1. Khái niệm

- Tiền gửi ngân hàng là số tiền tạm nhàn rỗi của doanh nghiệp đang gửi tại ngân hàng, kho bạc hay công ty tài chính.
- Tiền gửi ngân hàng của công ty hầu như thu được sử dụng để thanh toán các nghiệp vụ có giá trị từ lớn.

1.3.2. Nguyên tắc hạch toán

- Khi phát hành các chứng từ tài khoản TGNH, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định.
- Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến kế toán phải kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời. Nếu đến cuối kỳ vẫn chưa xác định rõ nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo giấy báo hay bản sao kê của ngân hàng. Số chênh lệch được ghi vào tài khoản chờ xử lý (1381 – tài sản thừa chờ xử lý, 1383 – tài sản thiếu chờ xử lý). Sang kỳ sau phải tiếp tục kiểm tra đối chiếu tìm nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh lại số liệu đã ghi sổ.
- Trường hợp doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi ngân hàng ở nhiều ngân hàng thì kế toán phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu. Tại những đơn vị có bộ phận phụ thuộc cần mở tài khoản chuyên thu chuyên chi phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán kế toán phải mở sổ chi tiết để giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng từng loại tiền gửi nói trên
- Trường hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc giao dịch bình quân trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.
- Trường hợp rút tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, LIFO, FIFO, thực tế đích danh.

- Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên có TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính (lãi tỷ giá) hoặc bên nợ TK 635 – chi phí tài chính (lỗ tỷ giá)

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 – chênh lệch tỷ giá hối đoái.

1.3.3. Chứng từ hạch toán tiền gửi ngân hàng

- Giấy báo nợ: là thông báo của ngân hàng ghi giảm cho tài khoản tiền gửi
- Giấy báo có: là thông báo của ngân hàng ghi tăng cho tài khoản tiền gửi
- Bảng sao kê của ngân hàng: là thông báo của ngân hàng về tiền gửi hàng ngày tại ngân hàng của doanh nghiệp
- Các chứng từ kèm theo (ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển tiền...)

1.3.4. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 112 “tiền gửi ngân hàng” phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng giảm các khoản tiền gửi tại ngân hàng doanh nghiệp
- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 112:

Nợ	TK 112	Có
Số dư đầu kỳ: các khoản tiền mặt, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng tồn từ kỳ trước. Số phát sinh tăng: -Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng -Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.		Số phát sinh giảm: -Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ ngân hàng -Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.
Tổng PS tăng		Tổng PS giảm
Số dư cuối kỳ: số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại ngân hàng.		

TK 112 có các tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 1121 “tiền Việt Nam” phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam.
- TK 1122 “ngoại tệ” phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra đồng Việt Nam
- TK 1123 “vàng bạc, kim khí đá quý” phản ánh giá trị vàng bạc, kim khí đá quý gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng.

1.3.5. Phương pháp hạch toán

1.3.5.1. Kế toán tình hình biến động tiền gửi ngân hàng là tiền Việt Nam

1. Xuất quỹ tiền mặt gửi vào Tk tại ngân hàng:
Nợ TK 112 (1121) – tiền gửi ngân hàng
 Có TK 111 – tiền mặt
2. Nhận giấy báo có của ngân hàng về số tiền đã chuyển vào tài khoản:
Nợ TK 112 (1121) – tiền gửi ngân hàng
 Có TK 113 – tiền đang chuyển
3. Nhận được tiền ứng trước hoặc khách trả nợ bằng chuyển khoản căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng:
Nợ TK 112 (1121) – tiền gửi ngân hàng
 Có TK 131 – phải thu của khách hàng
4. Thu hồi các khoản tiền ký quỹ, ký cược bằng tiền gửi ngân hàng:
Nợ TK 112 (1121) – tiền gửi ngân hàng
 Có TK 144 – ký cược, ký quỹ ngắn hạn
 Có TK 244 – ký cược, ký quỹ dài hạn
5. Nhận góp vốn liên doanh, vốn góp cổ phần bằng chuyển khoản:
Nợ TK 112 (1121) – tiền gửi ngân hàng
 Có TK 411 – nguồn vốn kinh doanh
6. Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn, dài hạn bằng tiền gửi ngân hàng:
Nợ TK 112 (1121) – tiền gửi ngân hàng
 Có TK 334 – nhận ký cược, ký quỹ dài hạn
 Có TK 338 – phải trả, phải nộp khác (3388)
7. Thu hồi các khoản tiền ký cược, ký quỹ bằng tiền gửi ngân hàng:
Nợ TK 112 (1121) – tiền gửi ngân hàng
 Có TK 121 – đầu tư chứng khoán ngắn hạn (giá vốn)
 Có TK 128 – đầu tư ngắn hạn khác

Có TK515 – doanh thu hoạt động tài chính (lãi)

Có TK 3331 – thuế GTGT phải nộp (33311)

8. Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ thu từ hoạt động tài chính và các khoản thu khác:

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế:

Nợ TK 112 (1121) – tiền gửi ngân hàng

Có TK 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá chưa thuế GTGT)

Có TK 512 – doanh thu bán hàng nội bộ (giá chưa thuế GTGT)

Có TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính (khoản thu chưa có thuế GTGT)

Có TK 711 – thu nhập khác (chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 – thuế GTGT phải nộp (33311)

- Đối với doanh nghiệp không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp bằng tiền gửi ngân hàng:

Nợ TK 112 (1121) – tiền gửi ngân hàng

Có TK 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tổng giá thanh toán)

Có TK 512 – doanh thu bán hàng nội bộ (tổng giá thanh toán)

Có TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính (tổng giá thanh toán)

Có TK 711 – thu nhập khác (tổng giá thanh toán)

9. Thu tiền lãi gửi ngân hàng:

Nợ TK 112 (1121) – tiền gửi ngân hàng

Có TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính

a. Các nghiệp vụ làm giảm tiền gửi ngân hàng là tiền Việt Nam

10. Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt

Nợ TK 111 – tiền mặt

Có TK 112 (1121) – tiền gửi ngân hàng

11. Chuyển tiền gửi ngân hàng đi ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn:

Nợ TK 144 – cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Nợ TK 244 – ký quỹ, ký cược dài hạn

Có TK 112 (1121) – tiền gửi ngân hàng

12. Chuyển tiền gửi ngân hàng đi đầu tư tài chính ngắn hạn:

Nợ TK 121 – đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Nợ TK 128 – đầu tư ngắn hạn khác

Có TK 112 (1121) – tiền gửi ngân hàng

13. Trả tiền mua vật tư, công cụ dụng cụ, hàng hóa về dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bằng chuyển khoản, ủy nhiệm chi hoặc séc:

- Trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Nợ TK 152 – nguyên vật liệu

Nợ TK 153 – công cụ dụng cụ

Nợ TK 156 – hàng hóa

Nợ TK 157 – hàng gửi đi bán

Nợ TK 133 – thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 112 (1121) – tiền gửi ngân hàng

- Trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ khi phát sinh:

Nợ TK 611 – mua hàng

Nợ TK 133 – thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 112 (1121) – tiền gửi ngân hàng

14. Trả tiền mua TSCĐ, bất động sản đầu tư dài hạn, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ bằng chuyển khoản:

Nợ TK 211 – TSCĐ hữu hình

Nợ TK 213 – TSCĐ vô hình

Nợ TK 217 – bất động sản đầu tư

Nợ TK 221 – đầu tư vào công ty con

Nợ TK 222 – vốn góp liên doanh

Nợ TK 223 – đầu tư vào công ty liên kết

Nợ TK 228 – đầu tư dài hạn khác

Nợ TK 241 – XDCB dở dang

Nợ TK 133 – thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 112 (1121) – tiền gửi ngân hàng

15. Thanh toán các khoản nợ bằng chuyển khoản

Nợ TK 311 – vay ngắn hạn

Nợ TK 315 – nợ dài hạn đến hạn trả

Nợ TK 331 – phải trả người bán

Nợ TK 333 – thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Nợ TK 336 – phải trả nội bộ

Nợ TK 338 – phải trả phải nộp khác

Nợ TK 341 – vay dài hạn

Nợ TK 342 – nợ dài hạn

Có TK 112 (1121) – tiền gửi ngân hàng

16. Trả cổ tức lợi nhuận cho các bên góp vốn, chi các quỹ doanh nghiệp bằng tiền gửi ngân hàng:

Nợ TK 411 – nguồn vốn kinh doanh

Nợ TK 421 – lợi nhuận chưa phân phối

Nợ các TK 414, 415, 418,...

Có TK 112 (1121) – tiền gửi ngân hàng

17. Thanh toán các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại cho người mua bằng chuyển khoản:

Nợ TK 521 – chiết khấu thương mại

Nợ TK 532 – giảm giá hàng bán

Nợ TK 531 – hàng bán bị trả lại

Nợ TK 3331 – thuế GTGT phải nộp (33311)

Có TK 112 – tiền gửi ngân hàng

18. Chi bằng tiền gửi ngân hàng liên quan đến các khoản chi phí lợi dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung, CPBH, CPQLDN, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 623 – chi phí sử dụng máy thi công

Nợ TK 627 – chi phí sản xuất chung

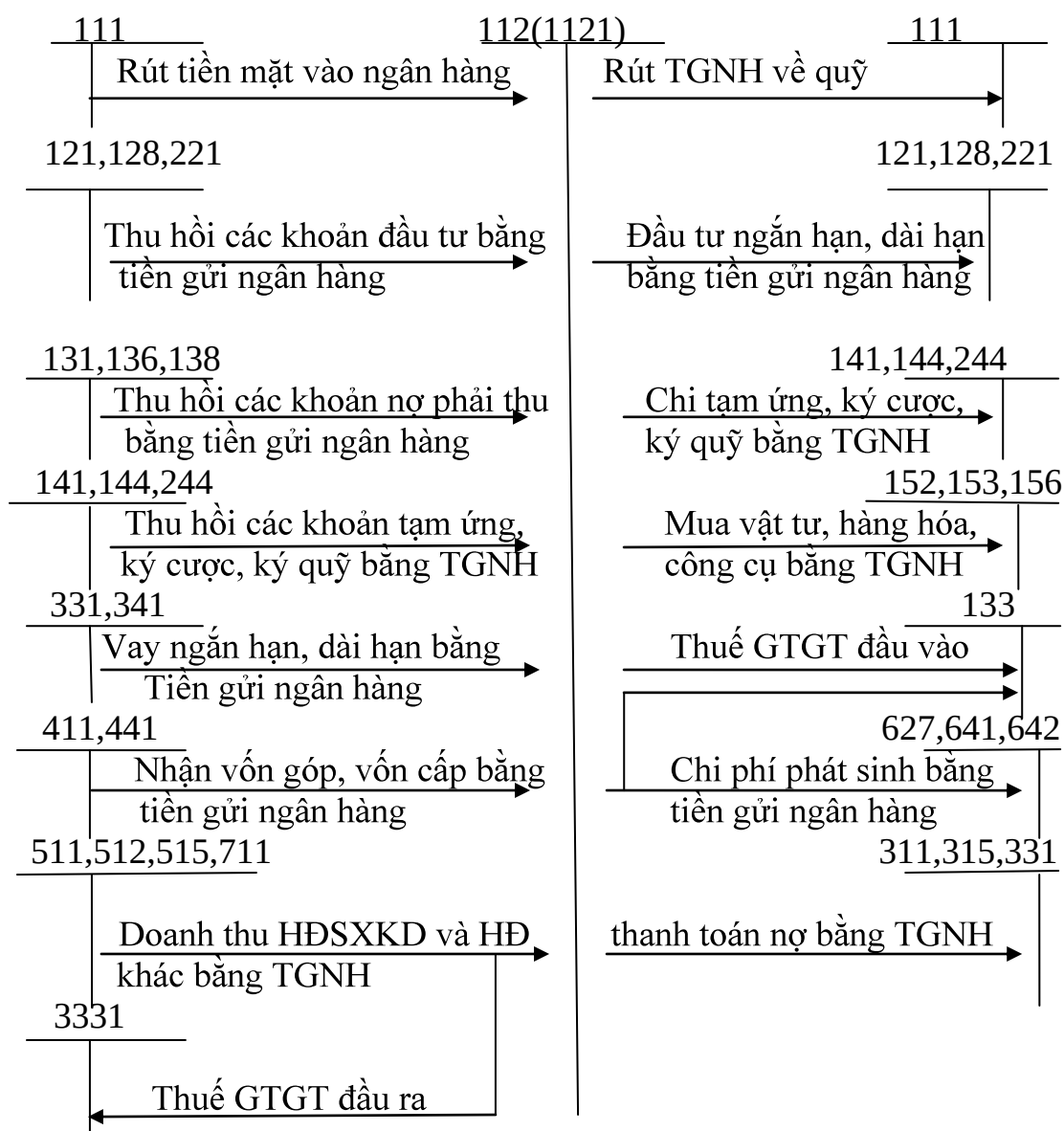
Nợ TK 635, 641, 642 – chi phí TC, chi phí BH, chi phí QLDN

Nợ TK 811 – chi phí khác

Nợ TK 133 – thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 112 (1121) – tiền gửi ngân hàng

Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi ngân hàng (VNĐ)



1.3.5.2. Kế toán tình hình biến động tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ

1. Khi mua vật tư hàng hóa, dịch vụ, TSCĐ thanh toán bằng tiền gửi ngoại tệ:

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái khi mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, TSCĐ:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 211, 632, 627, 641, 642,...(theo tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

Nợ TK 635 – chi phí tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 112 (1122) (theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi Có TK 007 – ngoại tệ các loại (tài khoản ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái khi mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, TSCĐ:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 211, 632, 627, 641, 642,...(theo tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

Có TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính (lãi tỷ giá)

Có TK 112 (1122) (theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi Có TK 007 – ngoại tệ các loại (tài khoản ngoài bảng CĐKT)

2. Khi thanh toán nợ phải trả

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ :

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,...(tỷ giá ghi sổ kế toán)

Nợ TK 635 – chi phí tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 112 (1122) (theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi Có TK 007 – ngoại tệ các loại (tài khoản ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,...(tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 112 (1122) (theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính (lãi tỷ giá hối đoái)

Đồng thời ghi Có TK 007 – ngoại tệ các loại (tài khoản ngoài bảng CĐKT)

3. Khi phát sinh doanh thu, thu nhập khác bằng ngoại tệ:

Nợ TK 112 (1122) (tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch BQLNH)

Có các TK 511, 515, 711 (tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch BQLNH)

Đồng thời ghi Nợ TK 007 – ngoại tệ các loại (tài khoản ngoài bảng CĐKT)

4. Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ:

Nợ TK 112 (1122) (tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

Nợ TK 635 - chi phí tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có các TK 131, 136, 138, ...(tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi Nợ TK 007 – ngoại tệ các loại (tài khoản ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ:

Nợ TK 112 (1122) (tỷ giá hối đoái ngày giao dịch)

Có TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính (lãi tỷ giá hối đoái)

Có các TK 131, 136, 138,...(tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi Nợ TK 007 – ngoại tệ các loại (tài khoản ngoài bảng CĐKT)

5. Khi mua hàng hóa, dịch vụ, vật tư, thiết bị, TSCĐ,...

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái:

Nợ các TK 151, 152, 153, 156, 211, 632, 627, 641, 642,...(theo TGHĐ ngày giao dịch)

Nợ TK 413 – chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 112 (1122) (theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi Có TK 007 – ngoại tệ các loại (tài khoản ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái :

Nợ TK 151, 152, 153, 156, 211, 632, 627, 641, 642,...(theo TGHĐ ngày giao dịch)

Có TK 112 (1122) (theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 413 – chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) (lãi tỷ giá hối đoái)

Đồng thời ghi Có TK 007 – ngoại tệ các loại (tài khoản ngoài bảng CĐKT)

6. Khi thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ:

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,...(tỷ giá ghi sổ kế toán)

Nợ TK 413 – chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) (lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 112 (1122) (theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Đồng thời ghi Có TK 007 – ngoại tệ các loại (tài khoản ngoài bảng CĐKT)

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái trong thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ:

Nợ các TK 311, 315, 331, 336, 341, 342,...(tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 112 (1122) (theo tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 413 – chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) (lãi tỷ giá hối đoái)

Đồng thời ghi Có TK 007 – ngoại tệ các loại (tài khoản ngoài bảng CĐKT)

7. Hằng năm chênh lệch tỷ giá đã được thực hiện phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế trên TK 413 – chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132) cho đến khi hoàn thành đầu tư xây dựng cơ bản và được xử lý theo quy định:

- Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái:

Nợ TK 112 (1122)

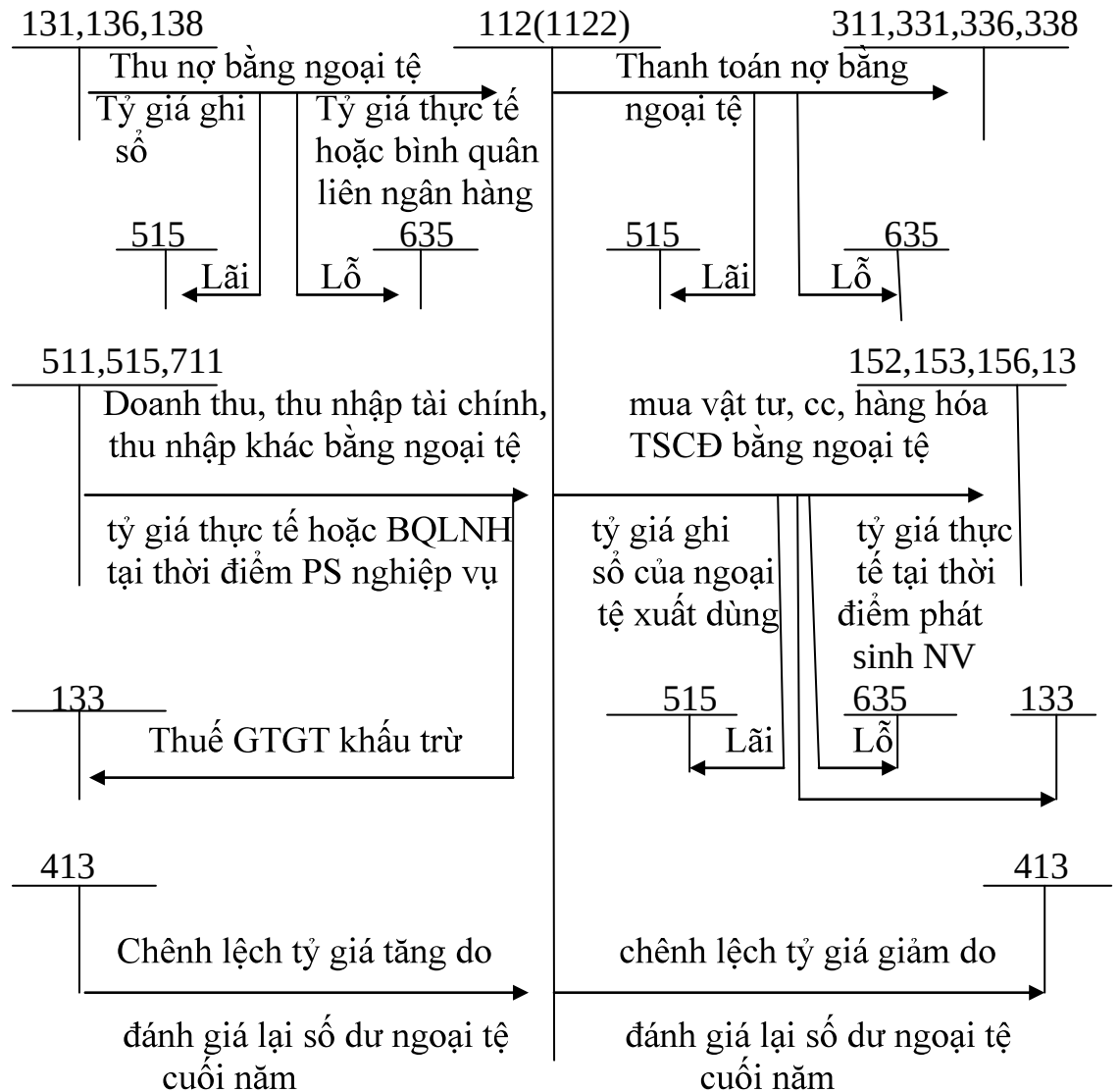
Có TK 413 – chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131, 4132)

- Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái :

Nợ TK 413 – chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131, 4132)

Có TK 112 (1122)

Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 – ngoại tệ các loại (tài khoản ngoài bảng CĐKT)

TK 007

Thu nợ bằng ngoại tệ
Doanh thu, doanh thu tài chính,
thu nhập khác bằng ngoại tệ

Thanh toán nợ bằng ngoại tệ
Mua vật tư, hàng hóa, công cụ
bằng ngoại tệ

1.4. Tổ chức kế toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp

1.4.1. Nội dung chủ yếu của kế toán tiền đang chuyển

- Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản sao kê của Ngân hàng

- Tiền đang chuyển bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- + thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng
- + chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác
- + thu tiền bán hàng nộp thuế vào kho bạc (giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và kho bạc Nhà nước)

- + các khoản tiền cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hoặc báo có...

- Tiền đang chuyển là tài sản bằng tiền, thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, đang nằm trong quá trình trung gian khi những nghiệp vụ kinh tế chưa hoàn thành.

1.4.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy nộp tiền, biên lai thu tiền, phiếu chuyển tiền
- Một số chứng từ liên quan khác...

1.4.3. Tài khoản sử dụng

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 113:

Nợ	TK 113	Có
Số dư đầu kỳ: các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ trước Số phát sinh tăng -Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có -Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.		Số phát sinh giảm -Số kết chuyển vào TK 112 “tiền gửi ngân hàng” hoặc tài khoản có liên quan -Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ
Tổng PS tăng		Tổng PS giảm
Số dư cuối kỳ: khoản tiền đang còn chuyển cuối kỳ		

TK 113 có các tài khoản cấp 2 sau:

- TK 1131 – tiền Việt Nam: phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển
- TK 1132 – ngoại tệ: phản ánh số ngoại tệ đang chuyển

1.4.4. Phương pháp hạch toán

1. Thu tiền bán hàng, tiền nợ của khách hàng hoặc các khoản thu nhập khác bằng tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng (không qua quỹ) nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng:

Nợ TK 113 – tiền đang chuyển (1131, 1132)

Có TK 131 – phải thu khách hàng

Có TK 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 512 – doanh thu bán hàng nội bộ

Có TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 711 – thu nhập khác

Có TK 3331 – thuế GTGT phải nộp (33311) (nếu có)

2. Xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng:

Nợ TK 113 – tiền đang chuyển (1131, 1132)

Có TK 111 – tiền mặt (1111, 1112)

3. Làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng để trả cho chủ nợ nhưng chưa nhận được giấy báo nợ của ngân hàng:

Nợ TK 113 – tiền đang chuyển (1131, 1132)

Có TK 112 – tiền gửi ngân hàng (1121, 1122)

4. Khách hàng trả trước tiền mua hàng bằng séc, đơn vị đã nộp séc vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng:

Nợ TK 113 – tiền đang chuyển (1131, 1132)

Có TK 131 – phải thu khách hàng

5. Ngân hàng báo có các khoản tiền đang chuyển đã vào tài khoản tiền gửi của đơn vị:

Nợ TK 112 – tiền gửi ngân hàng (1121, 1122)

Có TK 113 – tiền đang chuyển (1131, 1132)

6. Ngân hàng báo nợ các khoản tiền đang chuyển đã chuyển cho người bán người cung cấp dịch vụ:

Nợ TK 331 – phải trả người bán

Có TK 113 – tiền đang chuyển (1131, 1132)

7. Cuối niên độ kế toán, đánh giá lại số dư ngoại tệ trên TK 113 “tiền đang chuyển”

- Nếu chênh lệch lãi tỷ giá

Nợ TK 113 – tiền đang chuyển (1132)

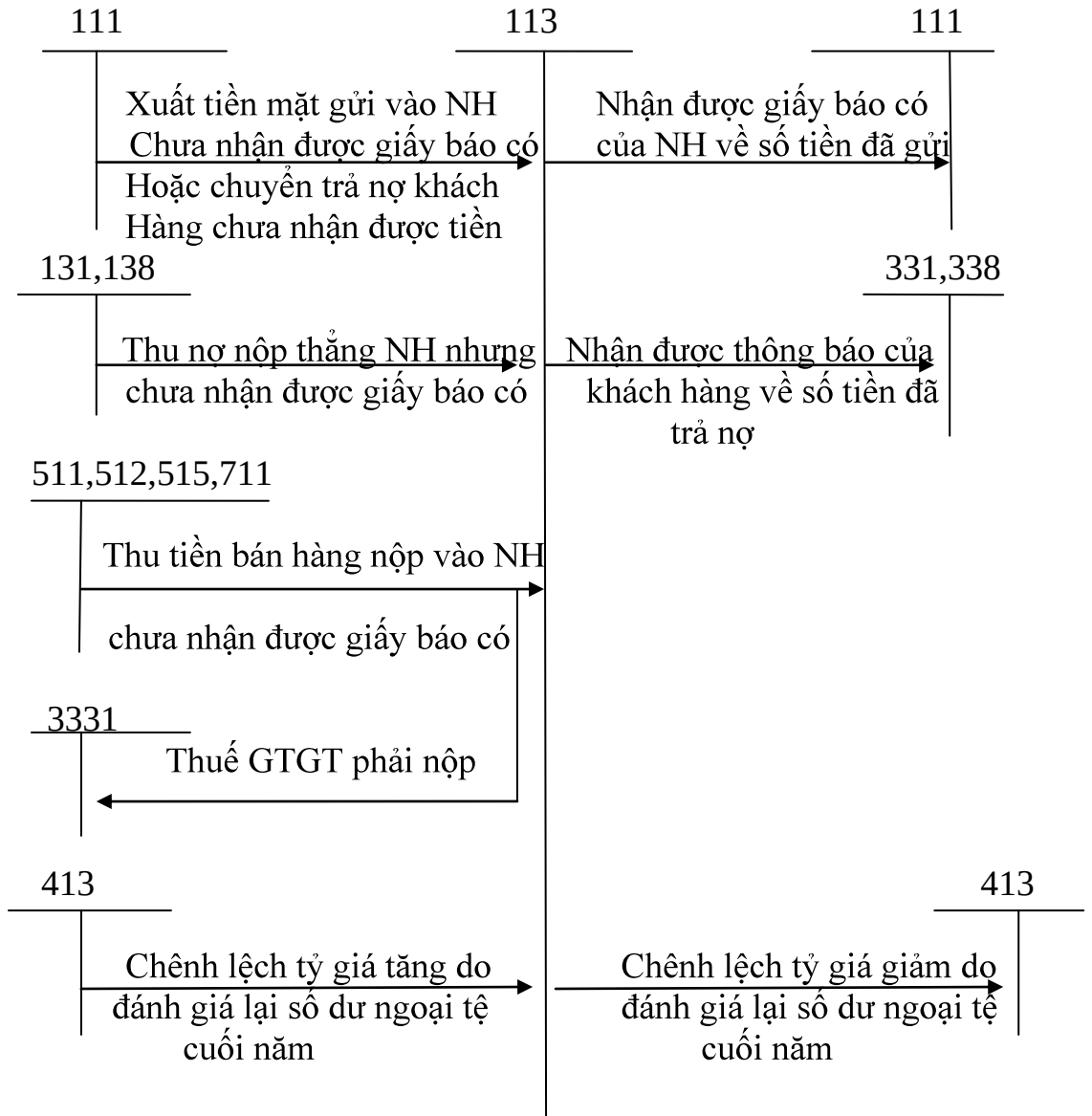
Có TK 413 – chênh lệch tỷ giá hối đoái (lãi tỷ giá)

- Nếu chênh lệch lỗ tỷ giá:

Nợ TK 413 – chênh lệch tỷ giá hối đoái (lỗ tỷ giá)

Có TK 113 – tiền đang chuyển (1132)

Sơ đồ 1.6. Kế toán tiền đang chuyển



1.5. Đặc điểm kế toán vốn bằng tiền dưới các hình thức kế toán

Hệ thống sổ kế toán bao gồm nhiều loại sổ khác nhau trong đó có những loại được mở theo quy định chung của nhà nước và những loại sổ mở theo yêu cầu quản lý của đơn vị.

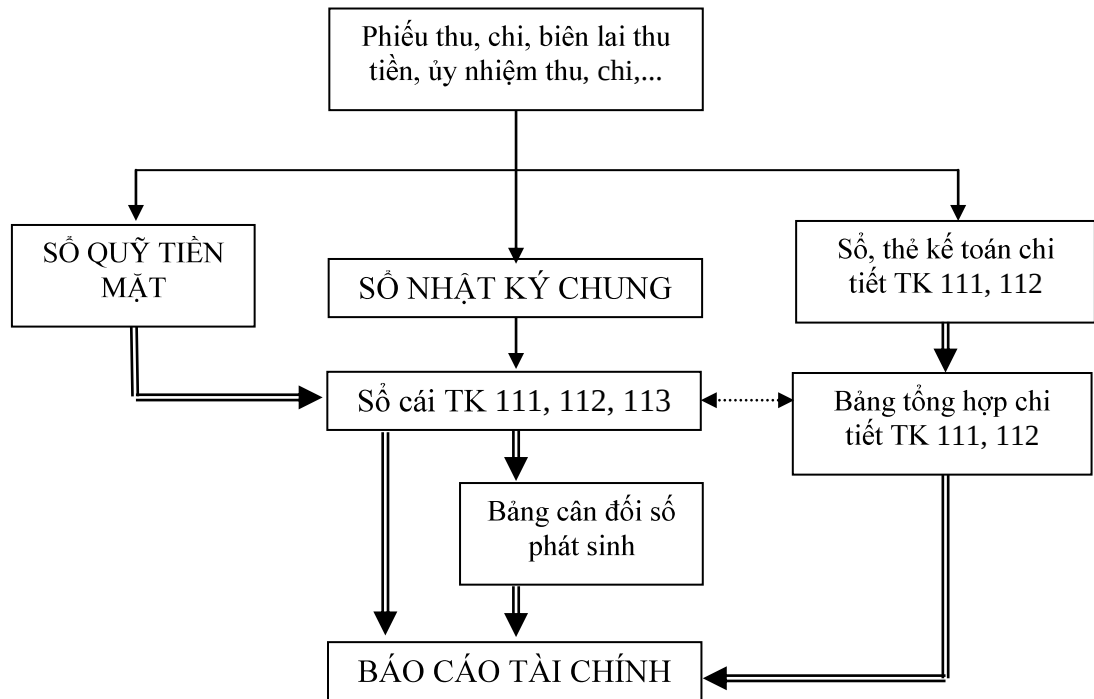
Doanh nghiệp áp dụng một trong 5 hình thức kế toán sau:

- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký chứng từ
- Hình thức Nhật ký – sổ cái
- Kế toán máy

Tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp mà mỗi doanh nghiệp lựa chọn hình thức ghi sổ khác nhau.

1. Hình thức Nhật ký chung

Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

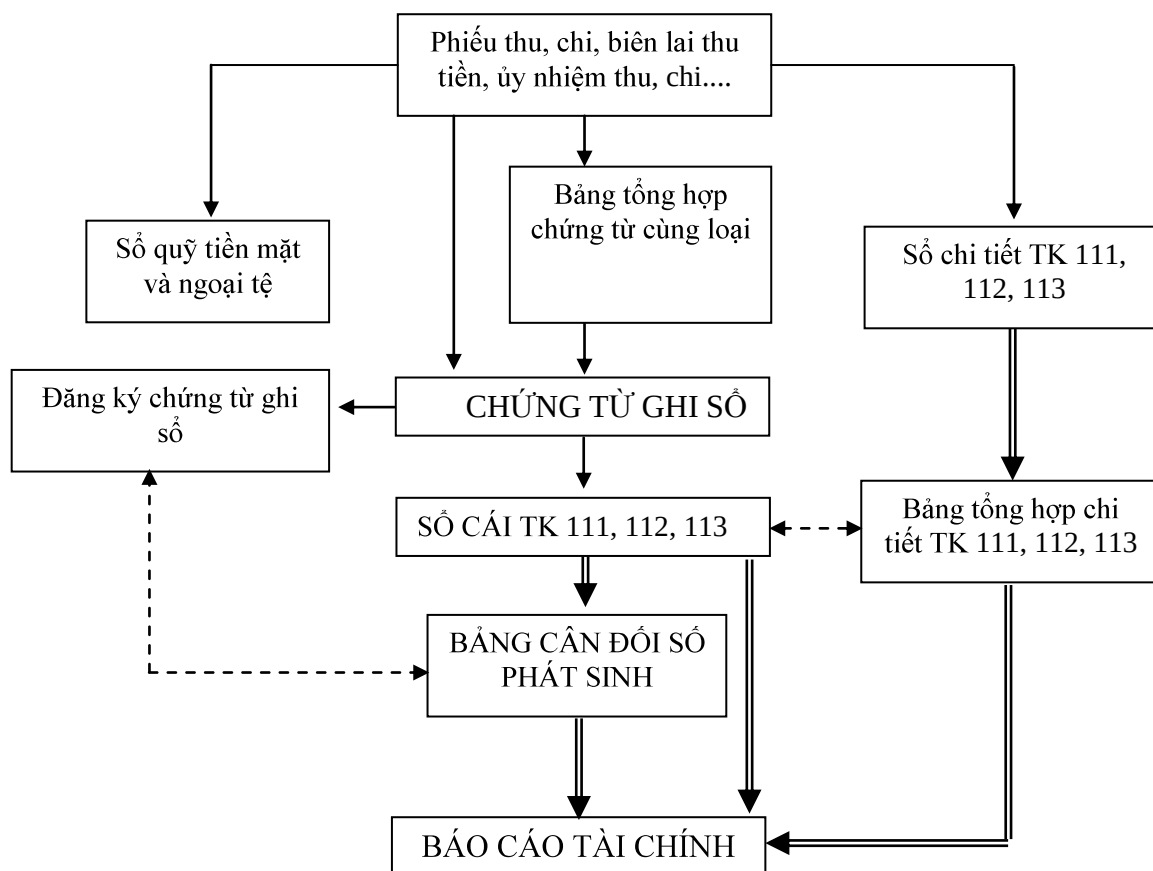


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.->

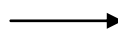
2. Hình thức Chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

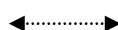
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

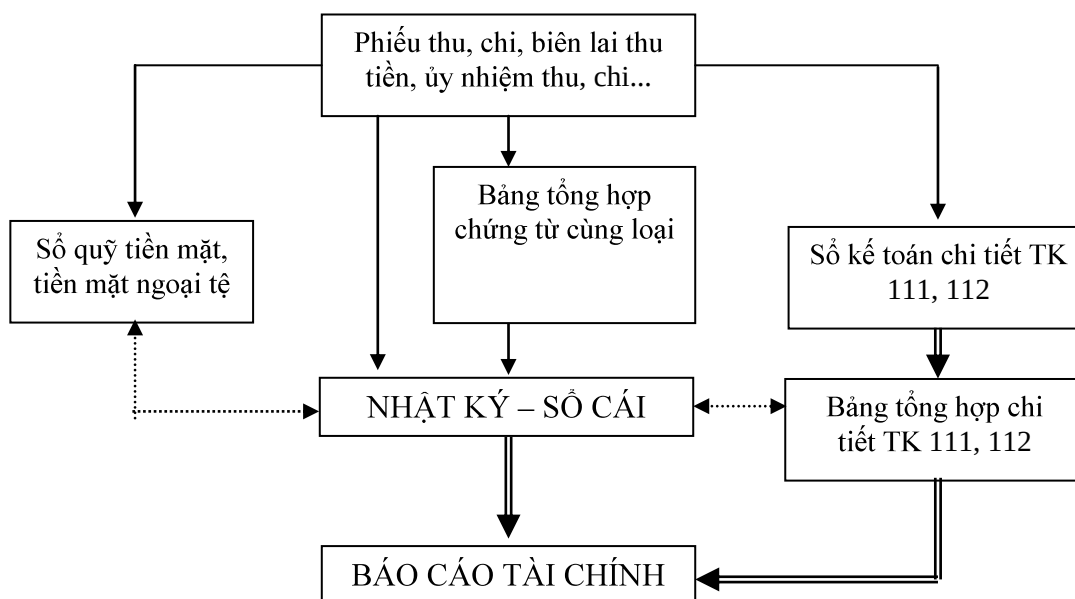


Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



3. Hình thức Nhật ký sổ cái

Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – sổ cái

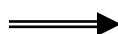


Ghi chú:

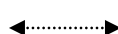
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

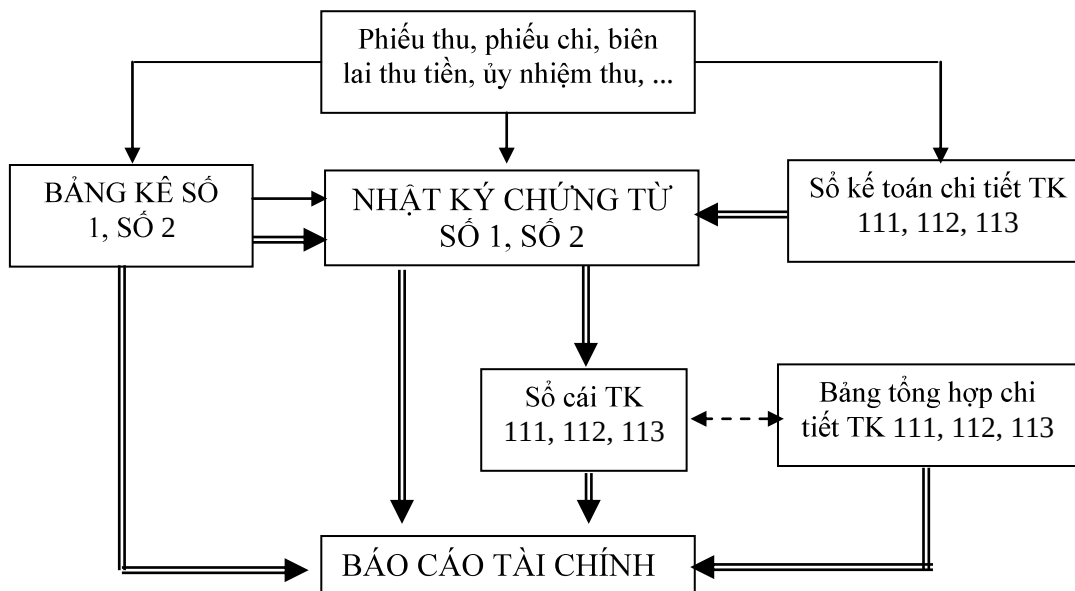


Quan hệ đối chiếu kiểm tra



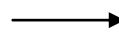
4. Hình thức Nhật ký chứng từ

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán hình thức Nhật ký chứng từ

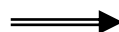


Ghi chú:

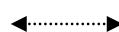
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

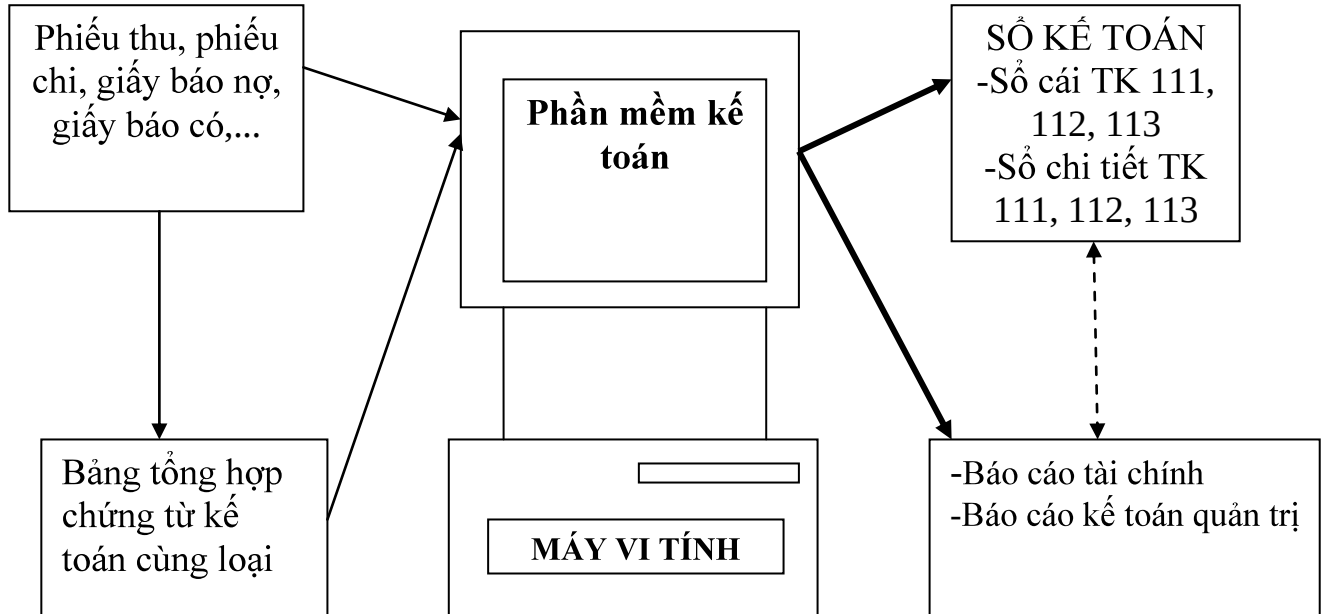


Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



5. Hình thức Kế toán máy

Sơ đồ 1.11. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày $\longrightarrow$
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm $\longrightarrow$
- Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán được quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN VINASHIN.

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

2.1.1.1. Lịch sử hình thành.

- Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin là công ty liên doanh giữa tập đoàn công nghiệp tàu thủy Vinashin và công ty công nghệ kỹ thuật Sejin Hàn Quốc – một công ty có hơn 14 năm kinh nghiệm trong sản xuất nội thất tàu thủy.

- Công ty được thành lập vào tháng 7 năm 2003 trong thời điểm có sự chuyển dịch mạnh mẽ của ngành công nghiệp đóng tàu từ Nhật Bản và Hàn Quốc sang các nước Đông Nam Á trong đó có Việt Nam.

- Đây là công ty đầu tiên và duy nhất ở Việt Nam chuyên sản xuất tấm tường, tấm trần, hệ thống cửa ngăn cháy bằng thép và buồng vệ sinh đồng bộ chuyên lắp cho tàu thủy.

2.1.1.2. Quá trình phát triển của công ty.

a. Trụ sở chính.

- ✚ Tên công ty: Công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin

- ✚ Tên tiếng anh: SEJIN - VINASHIN MARINE ACCOMMODATION CO.,LTD

- ✚ Tên viết tắt: SEJINVINA

- ✚ Logo công ty:



- ✚ Địa chỉ: KCN tàu thủy An Hồng, An Hồng, An Dương, Hải Phòng

- ✚ Điện thoại: + 84.31.3618 378 – Fax: + 84.31.3618 379

- ✚ Email: hoamv@sejinvina.com.vn – sejinvina@vnn.vn

- ✚ Website: <http://sejinvina.com.vn/>

b. Căn cứ thành lập

- Ngày thành lập: 09/07/2003

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2338/GP cấp ngày 09/07/2003, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 10/02/2004, điều chỉnh lần thứ hai ngày 24/01/2006.

- Mã số thuế: 0200561820
- Số tài khoản: 0031000088210 tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng, địa chỉ số 10 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng.
- Người đại diện: Ông Mai Văn Hòa – chức vụ: Tổng giám đốc

c. *Đặc điểm kinh doanh và tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin.*

Các sản phẩm kinh doanh

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu nội thất thủy gồm: các tấm trần và tấm tường, vách ngăn, hệ thống cửa chống cháy, buồng vệ sinh đồng bộ
- Cung cấp dịch vụ lắp đặt nội thất tàu thủy và các dịch vụ có liên quan khác.
- Trang trí nội ngoại thất vật dụng gia đình.

Đặc điểm và mục tiêu của sản phẩm

Các sản phẩm của công ty đã được chứng nhận đăng kiểm của các tổ chức đăng kiểm lớn có uy tín trong và ngoài nước như: DVN (Nauy), ABS (Mỹ), NK (Nhật Bản), GL (Hàn Quốc), VR (Việt Nam).

Đồng thời tăng cường quảng bá thương hiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua mạng Internet, báo chí,...

Dây chuyền công nghệ: dây chuyền công nghệ và thiết bị máy móc được nhập khẩu từ Hàn Quốc và chuyển giao công nghệ bởi đối tác Hàn Quốc Sejin Technical Industries với công suất thiết kế nhà máy là:

- + Tấm trần (ceiling panel) : 60.000 m²/năm
- + Tấm tường (wall panel) : 100.000 m²/năm
- + Hệ thống cửa chống cháy (fire retarding door) : 2400 bộ/năm
- + Buồng vệ sinh đồng bộ (toilet module): 1500 bộ/năm

d. *Tình hình sản xuất của công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinasgin.*

- Bán hàng cho các công ty trong nước là tổng công ty đóng tàu Bạch Đằng, công ty đóng tàu Hạ Long, công ty cơ khí đóng tàu TKV,...
- Nhưng về phần thu tiền bán hàng rất khó khăn, tính đến nay dư nợ của công ty các đơn vị trong nước là 8 tỷ đồng chiếm 40% doanh thu cho cả năm. Nhất là các đơn vị trong Vinashin mà nhiều nhất là tổng công ty đóng tàu Bạch Đằng dư nợ trên 6 tỷ đồng dẫn đến tình hình tài chính của công ty hết sức

Khoá luận tốt nghiệp

khó khăn, nợ lương cán bộ công nhân viên nhiều tháng, nợ tiền BHXH, tiền thuế GTGT,..

ST T	Tên sản phẩm	Đơn vị đóng tàu	Số lượng (chiếc)	Tiến độ giao hàng	Chủ tàu	Giá trị đơn hàng (VNĐ)	Ghi chú
1	Tàu 12.500 DWT	Công ty vận tải biển Anh Tú	01	Q2/2011		3.255.000.000	Đã ký hợp đồng, đang sản xuất
2	Tàu 9.200 DWT	Công ty vận tải biển Anh Tú	01	Q1/2011		2.940.000.000	Đã ký hợp đồng
3	Tàu 7.000	Công ty cơ khí ĐT Than - TKV	01	Q3/2011		2.625.000.000	Đang đàm phán, ký hợp đồng
4	Các đơn hàng khác					3.780.000.000	Đang giao dịch
						12.600.000.000	

Doanh thu dự kiến trong thị trường trong nước: 12.600.000.000VNĐ

Ngoài ra công ty còn có một số dự án đang trong tiến trình đàm phán kế hoạch sản xuất có thể tăng lên.

Sản lượng sản xuất năm 2012:

STT	Các loại sản phẩm	Năm 2011	Đạt (%) đề ra các mục tiêu cần thực hiện: công suất thiết kế
1	Tấm trần	3.000 m ²	
2	Tấm tường	8.000 m ²	
3	Cửa ngăn cháy	500 bộ	
4	Buồng VS đồng bộ	30 bộ	

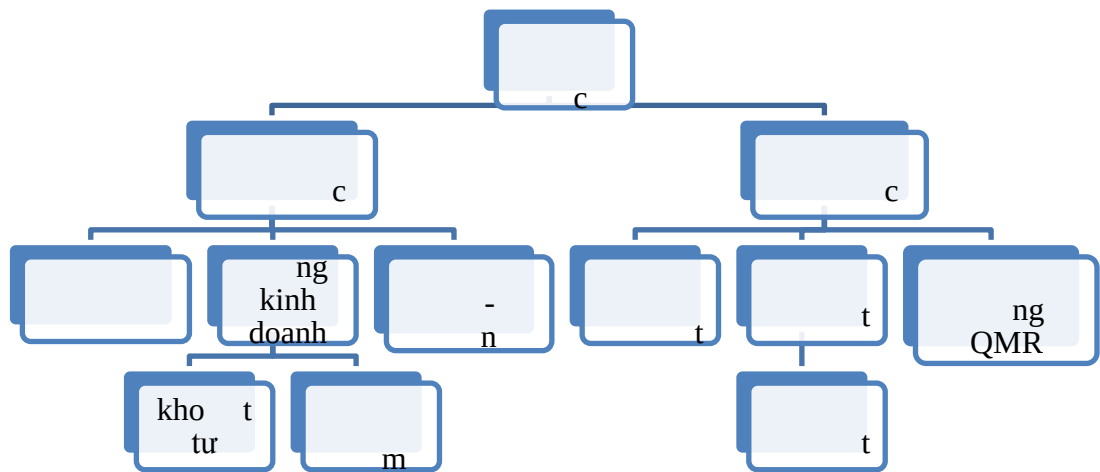
2.1.2. Khái quát bộ máy quản lý của công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin

2.1.2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty

Để đảm bảo các vị trí làm việc, các phòng ban nhận thức rõ công việc và quyền hạn của mình trong cơ cấu tổ chức của hệ thống chất lượng, công ty đã

chủ động phân rõ trách nhiệm giữa các bộ phận, phòng ban theo một cơ cấu, tổ chức hợp lý và khoa học. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin được tổ chức và hoạt động theo luật doanh nghiệp các luật khác có liên quan. Cơ cấu tổ chức của công ty hiện tại gồm:

Sơ đồ 2.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin

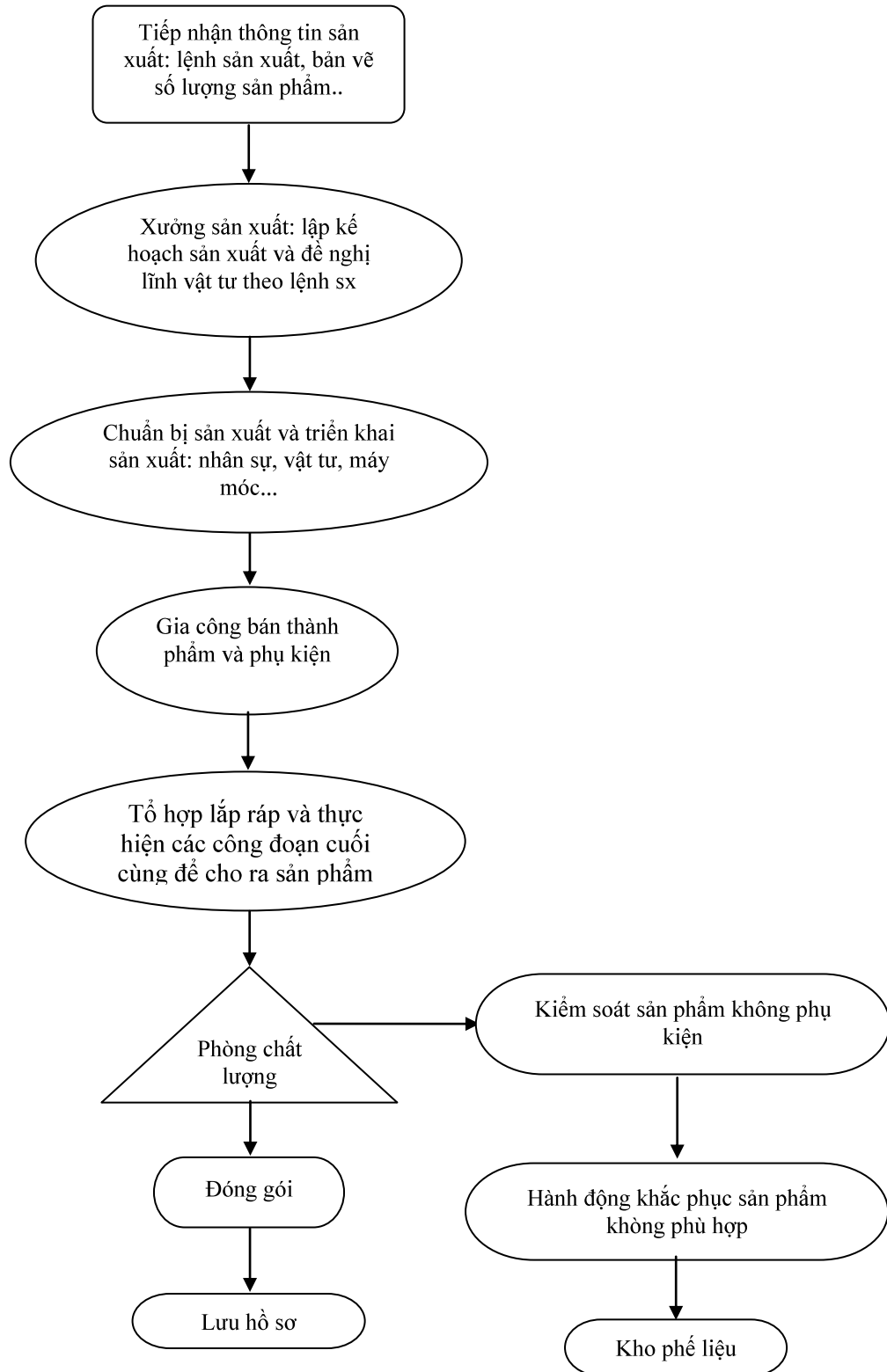


Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban:

- Tổng giám đốc: Là người có quyền hạn cao nhất trong công ty, trực tiếp chỉ đạo công tác tổ chức hoạch định chiến lược kinh doanh, tổ chức điều hành trực tiếp sản xuất kinh doanh toàn công ty và là đại diện pháp nhân cho công ty trước pháp luật.
- Phó tổng giám đốc: Trợ lý cho tổng giám đốc trong việc sản xuất kinh doanh, lập kế hoạch từng giai đoạn. Phụ trách tổ chức thực hiện công tác về tổ chức nhân sự và tham mưu cho tổng giám đốc
- Phòng hành chính nhân sự: quản lý nhân sự, nghiên cứu thực hiện các chế độ chính sách về lao động tiền lương và các chính sách lao động khác.
- Phòng kế hoạch – kinh doanh: thực hiện phân phối tiêu thụ sản phẩm, cung ứng mạng lưới đại lý, mở rộng thị trường, thị phần của sản phẩm.
- Phòng tài chính – kế toán: thực hiện công tác thống kê, thông tin kinh tế, hạch toán kinh doanh.
- Phòng kỹ thuật sản xuất: chịu sự chỉ đạo trực tiếp của ban giám đốc, tham mưu giúp việc cho ban giám đốc trong lĩnh vực kỹ thuật – sản xuất cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

- Xưởng sản xuất: là đơn vị trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, kết hợp các nguồn lực khác nhau để tạo ra sản phẩm đáp ứng được yêu cầu khách hàng, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của ban giám đốc.

Sơ đồ 2.2. Lưu đồ quá trình sản xuất



- Kho: là nơi lưu trữ và bảo quản các thành phẩm sau quá trình sản xuất cũng như vật tư của công ty. Việc kiểm soát về tinh thần xuất – nhập – tồn và dự trữ vật tư thành phẩm có thể ảnh hưởng đến nhiệm vụ cung ứng kịp thời, vật tư cho sản xuất đảm bảo quá trình sản xuất diễn ra liên tục, hiệu quả và đồng thời kịp đáp ứng cho nhu cầu về sản phẩm trên thị trường.

- Phòng chất lượng: Xây dựng, kiểm soát bảo đảm duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO của công ty. Quản lý và kiểm soát chất lượng vật tư và sản phẩm của công ty. Tham mưu cho ban giám đốc trong lĩnh vực kiểm tra vật tư, đảm bảo chất lượng trong quá trình sản xuất.

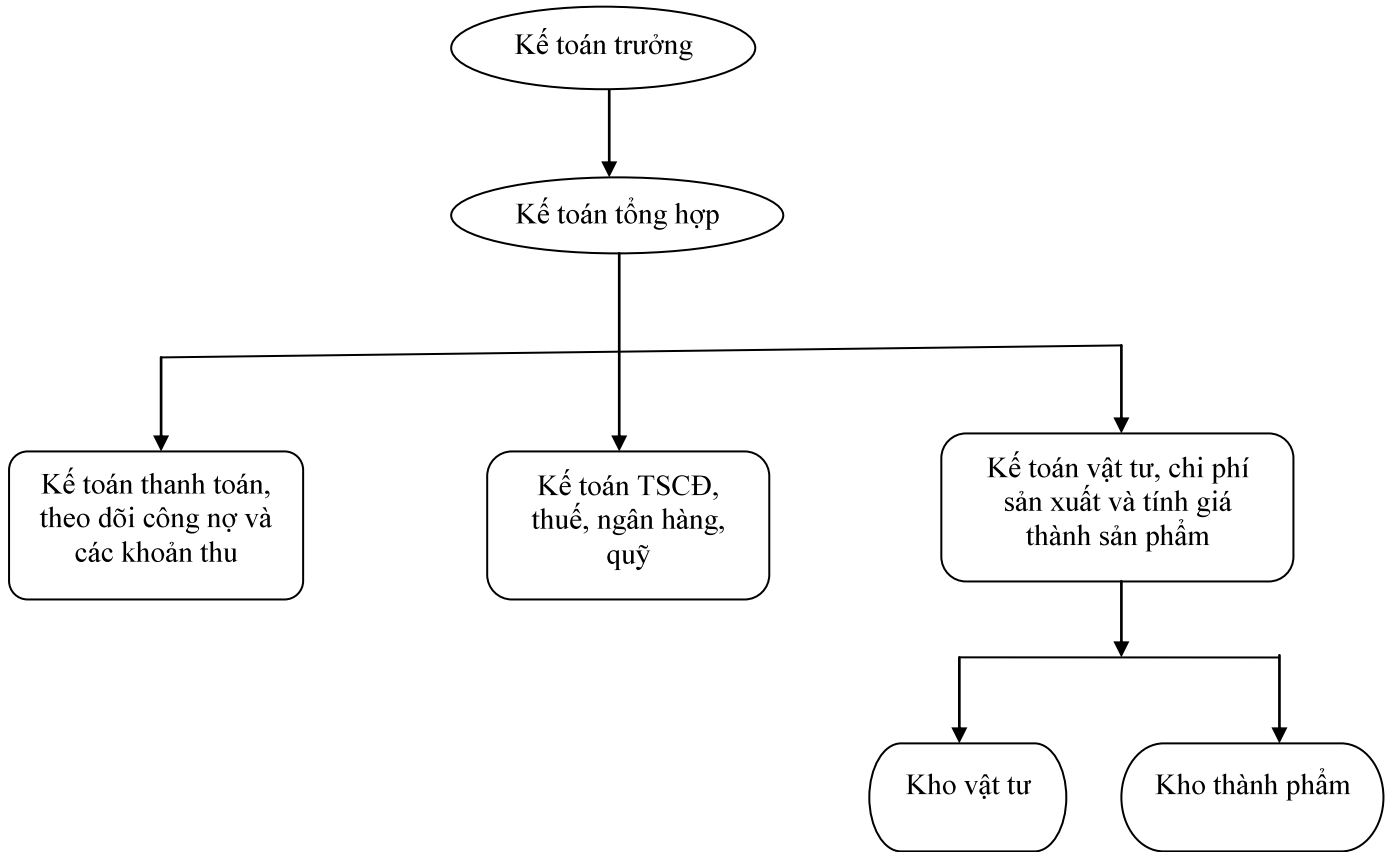
Lực lượng lao động:

- Tổng số lao động: 110 người
- Đại học, cao đẳng: 32 người
- Trung học chuyên nghiệp, nghề: 73 người
- Lao động phổ thông: 5 người
- Ban giám đốc: 3 người
- Các phòng ban:
 - Phòng tổ chức hành chính: 11 người
 - Phòng tài chính kế toán: 4 người
 - Phòng chất lượng: 3 người
 - Phòng kinh doanh: 7 người
 - Phòng kỹ thuật sản xuất: 5 người
- Xưởng sản xuất:
 - Văn phòng xưởng: 5 người
 - Tổ cửa sắt hàn 1: 11 người
 - Tổ cửa sắt hàn 2: 9 người
 - Tổ forming: 10 người
 - Tổ rock wool – ĐG – VC: 7 người
 - Tổ sơn phốt phát: 7 người
 - Tổ ép tấm tường: 8 người
 - Tổ U/T: 7 người
 - Tổ duy tu bảo dưỡng: 2 người
 - Tổ đào tạo thử việc: 11 người

2.1.2.2. Tổ chức công tác kế toán của công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin.

a) Sơ đồ tổ chức kế toán của công ty

Sơ đồ 2.3. Tổ chức kế toán của công ty



b) Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận kế toán

-Chức năng:

- Là bộ phận hạch toán kế toán theo chế độ của Nhà nước, thống kê thanh toán tiền hàng, quản lý tài chính, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế qua các số liệu thống kê kiểm tra thu chi.

- Lập báo cáo tài chính giúp ban giám đốc và các phòng liên quan có thể kịp thời theo dõi chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của công ty.

- Nhiệm vụ:

- Kế toán trưởng ở công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin đồng thời cũng có vai trò là phó tổng giám đốc, tham mưu giúp việc cho tổng giám

độc những vấn đề tài chính. Kế toán trưởng phụ trách mọi công tác của kế toán tài chính, công tác nhân sự, kiểm duyệt các khoản thu, chi trong quyền hạn của mình.

- Kế toán tổng hợp giúp lãnh đạo phòng dự thảo các văn bản về công tác tài chính – kế toán (ban giám đốc phê duyệt) được ban hành áp dụng trong công ty. Tham mưu nghiệp vụ cho kế toán trưởng, tổ chức ghi chép, tổng hợp các số liệu về các loại vốn, quỹ của doanh nghiệp. Bảo quản lưu giữ hồ sơ, tài liệu kế toán thống kê, thông tin kinh tế. Cung cấp tài liệu cho các bộ phận có liên quan cả ngoài lẫn trong công ty. Điều chỉnh bổ sung các bút toán, hạch toán kế toán. Lập chứng từ ghi sổ, tính lãi lỗ, kết chuyển.

- Kế toán thanh toán, theo dõi công nợ và các khoản thu tham mưu cho kế toán tổng hợp và kế toán trưởng. Theo dõi việc thực hiện và thanh lý hợp đồng của các khách hàng và nhà cung cấp. Nhắc và báo nợ các hợp đồng bán hàng cho thị trường, phản ánh kịp thời các khoản thu chi bằng tiền mặt. Mở sổ chi tiết theo dõi từng khoản mục theo dõi nợ phải thu, phải trả khách hàng và các khoản phải thu phải trả khác.

- Kế toán vật tư hàng hóa và giá thành sản phẩm theo dõi tình hình nhập xuất hàng tồn kho, tập hợp phân tích thông tin số liệu hàng tồn kho. Tính toán đầy đủ chính xác, kịp thời và tính giá nguyên vật liệu trong giá vốn của sản phẩm. Tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Định kỳ lập báo cáo trình lãnh đạo.

- Kế toán TSCĐ, ngân hàng, thuế và quỹ:

- + TSCĐ: ghi chép phản ánh chính xác kịp thời số liệu hiện có và tình hình tăng giảm TSCĐ của công ty cả số và chất lượng. Tính toán chính xác, kịp thời số khấu hao TSCĐ và đồng thời phân bổ mức khấu hao. Theo dõi quá trình thanh lý TSCĐ để quản lý vốn.

- + Ngân hàng: theo dõi chi tiết từng loại tiền gửi và chi tiết theo từng ngân hàng. Khi nhận được chứng từ của ngân hàng, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Thông báo với các phòng ban liên quan về nguồn tiền đã về, đã chuyển.

- + Thuế: phản ánh tình hình thuế và nộp thuế của các sắc thuế mà công ty sử dụng. Lập báo cáo thuế GTGT, TNDN, TNCN,... hàng tháng, quý, năm theo quy định của luật thuế.

+ Quỹ: thủ quỹ kết hợp kế toán thanh toán nhận tiền từ các ngân hàng và khách hàng. Mở sổ kế toán tiền mặt để ghi chép hàng ngày, liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế và tiến hành đối chiếu số liệu từ sổ quỹ và sổ kế toán tiền mặt. Kiểm tra chứng từ trước khi xuất quỹ, cuối tháng khóa sổ và lập sổ quỹ, sắp xếp và bảo quản chứng từ thu chi trong tháng.

- Kho vật tư: quản lý an toàn tài sản của công ty từ khi nhập khẩu và kinh doanh theo nguyên tắc thống nhất, có kiểm tra đối chiếu và tuân theo quy định của pháp luật. Phục vụ kịp thời, hiệu quả cho công tác sản xuất kinh doanh của công ty.

2.1.2.3. Hình thức kế toán, các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin.



Chuẩn mực và chế độ chính sách kế toán áp dụng:

- Chế độ kế toán áp dụng: chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: báo cáo tài chính được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính phát hành.

- Chính sách kế toán áp dụng với tiền và các khoản tương đương với tiền:

Tiền phản ánh toàn bộ tiền hiện có của công ty tại thời điểm bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

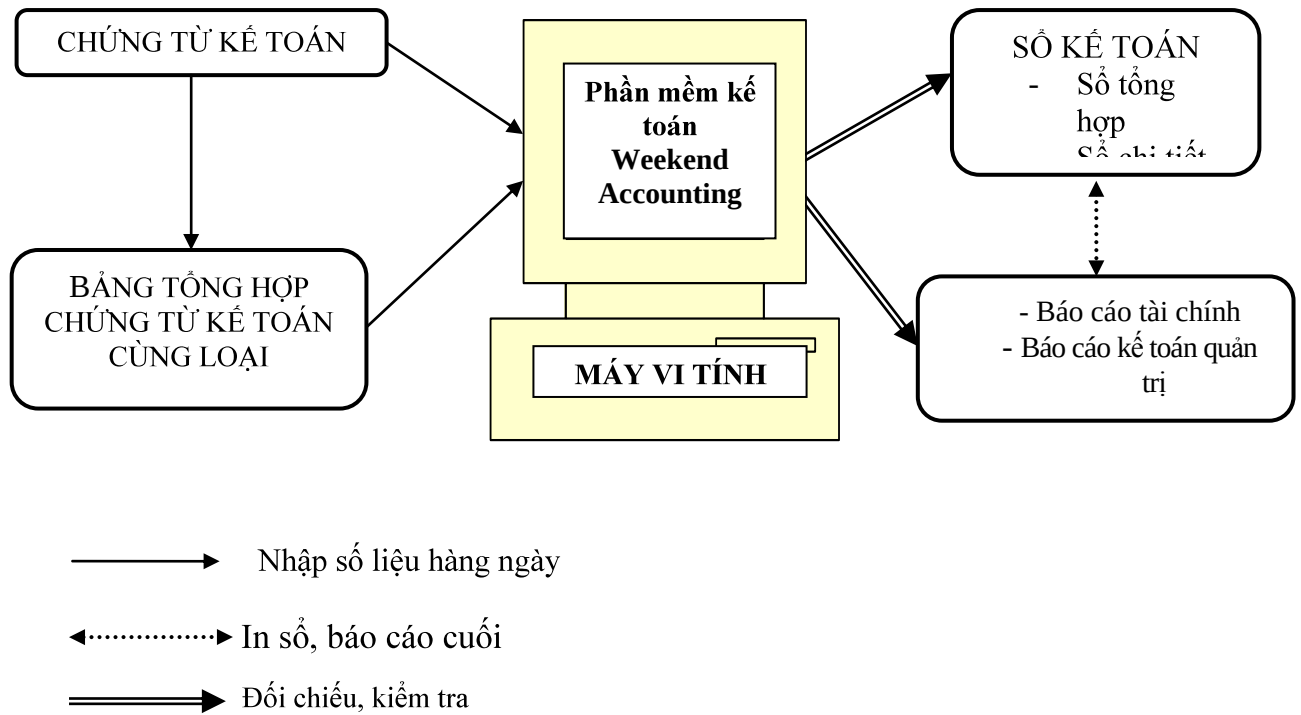
- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:
 - + Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012
 - + Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam, ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá liên ngân hàng.



Hình thức sổ kế toán áp dụng:

- Công ty áp dụng hình thức Kế toán máy và mẫu sổ sách theo hình thức Nhật ký chung

Sơ đồ 2.4. Quy trình hạch toán theo hình thức kế toán máy.



Giới thiệu về phần mềm kế toán Weekend Accounting

Công ty Sejinvinha áp dụng hình thức kế toán máy từ năm 2005. Phần mềm kế toán mà công ty sử dụng là phần mềm Weekend Accounting. Đây là một phần mềm được thiết kế riêng để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh đặc trưng của công ty.

Bên cạnh việc thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán theo quy định tại thông tư 103/2005/TT – BTC ngày 24/11/2005, phần mềm Weekend Accounting còn có những ưu điểm nổi bật sau:

- Phần mềm kế toán song ngữ Anh Việt, dễ học, dễ sử dụng, giao diện nổi bật
- Phần mềm chia thành các modul tương ứng các phân hệ kế toán rõ ràng, rất tiện lợi cho doanh nghiệp chia, phân quyền, giao việc cho từng kế toán với từng nhiệm vụ.

- Phần mềm sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server, dữ liệu được bảo mật tuyệt đối theo hệ thống phân quyền của hệ điều hành.
- Phần mềm có khả năng lưu trữ dữ liệu lớn, tốc độ truy xuất dữ liệu nhanh
- Chức năng Tổng hợp – Chi tiết (Drill – Down)
- Phần mềm kế toán sản xuất: tính giá thành chi tiết cho từng sản phẩm, từng nhóm sản phẩm theo nhiều phương pháp tính giá thành và từng công đoạn khác nhau. Hỗ trợ quản lý vật tư với số lượng lớn.
- Hệ thống kế toán tức thời: cho phép người dùng có thể xem các báo cáo tại bất cứ thời điểm nào mà không cần qua các bước tổng hợp số liệu trung gian.
- Phần mềm kế toán quản trị: công cụ trợ giúp các nhà quản lý phân tích và phân hệ kế toán phù hợp với các phân hành kế toán trong doanh nghiệp. Chạy trên mạng nhiều người dùng, bảo mật và phân quyền chi tiết từng chức năng.
- Hệ thống mở: mềm dẻo, linh hoạt.



Khái quát về cách sử dụng phần mềm:

Khởi động Weekend Accounting: kích đúp vào biểu tượng Weekend Accounting trên màn hình desktop.

Sau khi khởi động, hộp thoại đăng nhập sẽ tự động xuất hiện cho phép người dùng mở dữ liệu kế toán. Sejinvina thực hiện việc phân quyền trong hạch toán. Theo đó, mỗi kế toán viên sẽ là việc với một tài khoản riêng với một hoặc một số những phân hành cố định được phụ trách. Phần mềm được thiết kế với 7 phân hệ: tiền, hàng hóa, công trình, giá thành, tài sản, tổng hợp và hệ thống (hình 1.1 và hình 1.2)



Hình 1.1. Giao diện phần mềm kế toán máy Weekend Accounting



Hình 1.2. Giao diện phần mềm kế toán máy Weekend Accounting

2.2. Thực trạng kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin.

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ tại công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin.

- Tiền mặt là số vốn bằng tiền được thủ quỹ bảo quản trong két sắt an toàn của công ty, thủ quỹ chỉ được xuất tiền ra khỏi quỹ khi có đầy đủ các chứng từ hợp lệ. Công ty không phát sinh hoạt động về ngoại tệ hay vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

- Nguyên tắc quản lý tiền mặt được công ty chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành của Nhà nước.

- Mọi nghiệp vụ liên quan đến thu chi tiền mặt do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Thủ quỹ chịu trách nhiệm bảo quản, quản lý và thực hiện mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu chi tiền mặt. Tất cả các khoản thu chi tiền mặt đều có chứng từ hợp lệ (phiếu thu, phiếu chi) và phải có đầy đủ chữ ký của người thu hoặc chi tiền và đóng dấu “đã thu tiền” lên chứng từ.

- Phiếu thu, phiếu chi được lập làm 2 đến 3 liên. Cuối mỗi ngày, căn cứ vào các chứng từ để ghi vào sổ quỹ và lập báo cáo quỹ.

+ Phiếu chi được kèm với hóa đơn GTGT (liên 2: giao cho khách hàng)

+ Phiếu thu được kèm với hóa đơn GTGT (liên 3: nội bộ)

- Thủ quỹ phải thường xuyên kiểm kê số tiền tồn quỹ thực tế, tiến hành đối chiếu với số liệu của sổ quỹ hoặc sổ kế toán.

2.2.1.1. Tài khoản, chứng từ và sổ sách sử dụng

 Tài khoản sử dụng:

- Hạch toán tiền mặt tại quỹ của công ty sử dụng TK 111 phản ánh tình hình thu – chi – tồn quỹ tiền mặt.

- TK 111 có 3 TK cấp 2 nhưng công ty sử dụng 1 TK 1111 (tiền Việt Nam)

 Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu (mẫu số 01 – TT): gồm 3 liên: 1 liên lưu nội bộ, 1 liên ở phòng kế toán, 1 liên được giữ bởi người thu tiền.

- Phiếu chi (mẫu số 02 – TT): được lập thành 3 liên: 1 liên được lưu ở phòng kế toán, 1 liên do người lập giữ, 1 liên lưu nội bộ.

- Hóa đơn GTGT, giấy nộp tiền

- Giấy đề nghị tạm ứng (mẫu số 03 – TT)

-Giấy thanh toán tiền tạm ứng (mẫu số 04 – TT)

-Biên lai thu tiền (mẫu số 06 – TT)

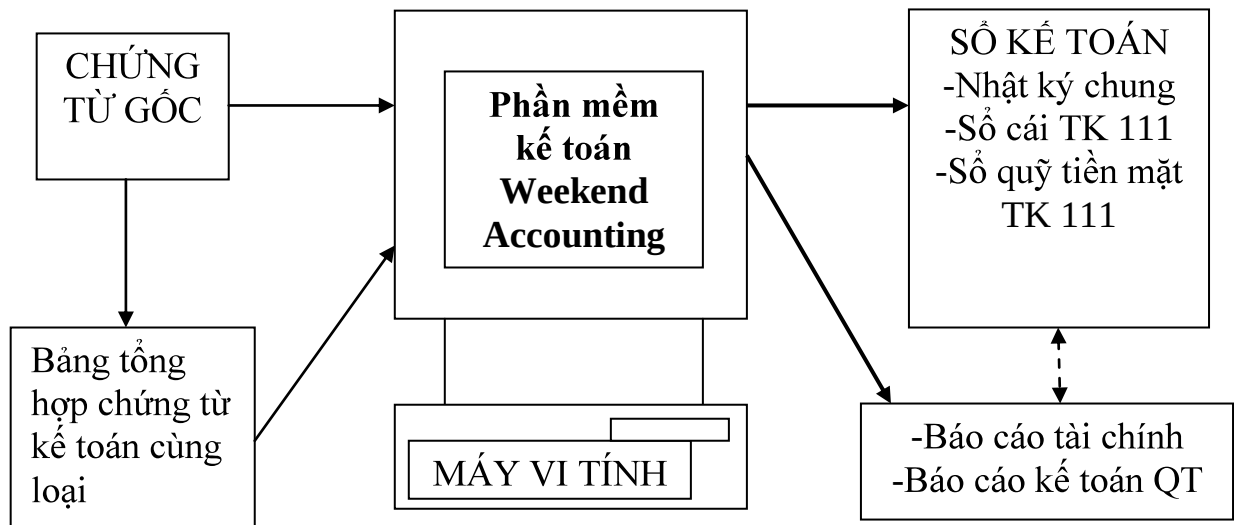
📑 Sổ sách sử dụng:

-Sổ quỹ tiền mặt (mẫu số S07 – DN)

-Sổ nhật ký chung (mẫu số S03a – DN)

-Sổ cái TK 111 (mẫu số S03b – DN)

2.2.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt tại quỹ của công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

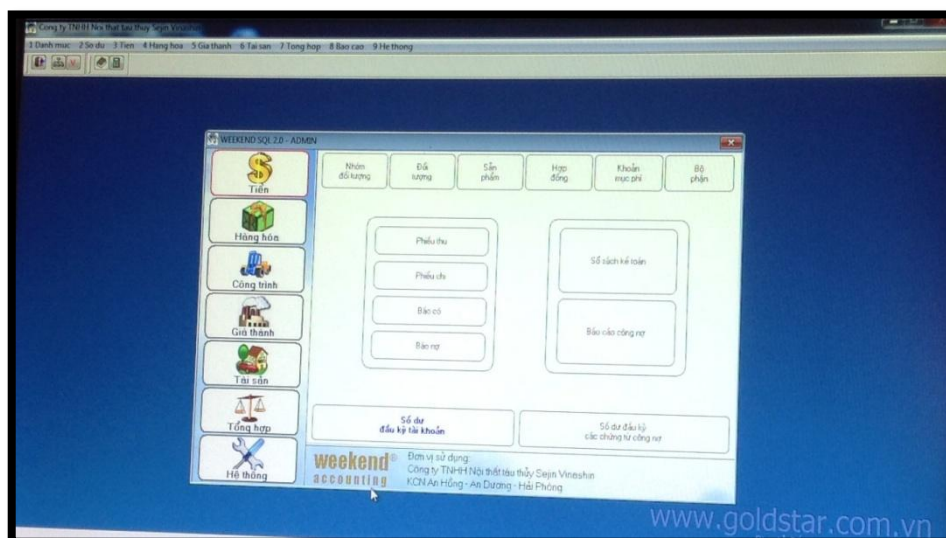
Ghi cuối tháng →

Đối chiếu, kiểm tra ↔

Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán tiền mặt tại công ty

Khi có nghiệp vụ thu, chi tiền mặt xảy ra, kế toán sẽ căn cứ vào hóa đơn bán hàng, mua hàng, hóa đơn GTGT để lập phiếu thu, chi. Sau đó phiếu thu hoặc phiếu chi sẽ được chuyển cho kế toán trưởng và giám đốc ký duyệt, chuyển cho thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, đồng thời ghi sổ quỹ. Căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, kế toán tổng hợp sẽ vào sổ nhật ký chung, sổ cái tiền mặt.

Cuối mỗi quý, căn cứ vào sổ cái đã lập kế toán vào bảng cân đối số phát sinh và báo cáo kế toán cho quý đó.



Hình 1.3. Màn hình giao diện phân hệ kế toán tiền mặt, tiền gửi

2.2.1.3. Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt tại công ty.

a. Kế toán thu tiền mặt VNĐ tại công ty

Nghiệp vụ 1:

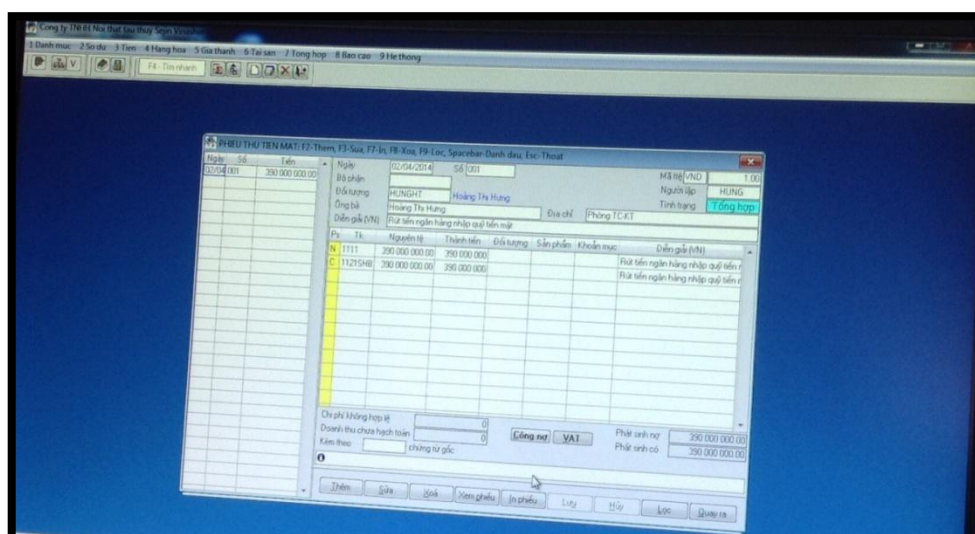
Ngày 02/12/2012, bà Hoàng Thị Hưng thuộc phòng tài chính kế toán rút tiền từ tài khoản Ngân hàng SHB về nhập quỹ tiền mặt số tiền 390.000.000đ

Kế toán định khoản: Nợ TK 111 : 390.000.000

Có TK 112 : 390.000.000

Sau khi làm thủ tục rút tiền tại ngân hàng, người rút tiền lĩnh tiền về công ty nộp lại cho thủ quỹ. Đồng thời, kế toán lập phiếu thu chuyển cho thủ quỹ làm thủ tục nhập quỹ tiền mặt

Sau khi hoàn thành thủ tục rút tiền thì ngân hàng sẽ gửi sổ phụ khách hàng và giấy báo nợ về công ty.



Hình 1.4. Giao diện nhập phiếu thu

Khoá luận tốt nghiệp



CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THUỶ SEJIN- VINASHIN

SEJIN – VINASHIN Marine accommodation CO., LTD

SEJIN-VINASHIN KCN An Hồng, An Dương, Hải Phòng, Tell: 0313.618378

Mẫu số 01-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

ngày 20/3/06 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày ...02... tháng ...12...năm... 2012.....

Quyển số:

Số:089.....

Nợ:111.....

Có: ...112.....

Họ và tên người nộp tiền: Hoàng Thị Hưng.....

Địa chỉ:phòng Kế toán – Tài chính.....

Lý do nộp:rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt.....

Số tiền:390.000.000đ..... (Viết bằng chữ): ...ba trăm chín mươi triệu đồng chẵn.....

Kèm theo: Chứng từ gốc:

Ngày ...02..... tháng12....năm 2012.....

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): ...ba trăm chín mươi triệu đồng chẵn.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.1. Phiếu thu số 089

Nghiệp vụ 2:

Ngày 03/12/2012, thu hồi tiền mua vật tư của bà Hoàng Thị Nhung do chi không hết ngày 24/11/2012 với số tiền là 6.520.000đ nhập quỹ. Trước khi thanh toán số tiền tạm ứng chi không hết bà Hoàng Thị Nhung viết giấy thanh toán tiền tạm ứng. Trình bày số tiền đã nhận và chi (kèm theo các chứng từ có liên quan) để chứng minh số tiền đã chi và xác định số tiền hoàn ứng còn lại.

Kế toán định khoản: Nợ TK 111: 6.520.000

Có TK 141: 6.520.000

GIẤY THANH TOÁN TIỀN TẠM ỨNG

Ngày 03 tháng 12 năm 2012

- Họ và tên người thanh toán: Hoàng Thị Nhung
- Bộ phận: kho
- Số tiền tạm ứng được thanh toán theo bảng dưới đây:

Diễn giải	Số tiền
I.Số tiền tạm ứng	25.000.000
1.Số tạm ứng kỳ trước chi không hết	
2.Số tạm ứng kỳ này	25.000.000
+ Phiếu chi số: 373 ngày 24 tháng 11 năm 2012	25.000.000
II.Số tiền đã chi	18.480.000
1.Chứng từ HĐGTGT số 000386 ngày 24/11/2012	18.480.000
III.Chênh lệch	6.520.000
1.Số tạm ứng chi không hết (I – II)	6.520.000
2.Chi quá số tạm ứng (II – I)	

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Kế toán thanh toán
(Ký, họ tên)

Người đề nghị thanh toán
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2. Giấy thanh toán tiền tạm ứng số 3

Khoá luận tốt nghiệp

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01/GTKT – 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/12P			
Liên 2: Giao khách hàng		0000386			
Ngày 24 tháng 11 năm 2012					
Người bán hàng: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ LC Địa chỉ: 73 Nguyễn Văn Linh – Lê Chân – Hải Phòng Mã số thuế: 0200725613 Điện thoại: 031.3622296					
Họ tên người mua hàng; Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN VINASHIN Địa chỉ: Khu CNTT An Hồng - An Dương – Hải Phòng Mã số thuế: 0200561820 Hình thức thanh toán: TM					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=2 x1
1	Thép lá inox SUS 304 0.8tx1219x2438	kg	400	42.000	16.800.000
Cộng tiền hàng:					16.800.000
Thuế suất GTGT 10% Tiền thuế GTGT:					1.680.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					18.480.000
Số tiền viết bằng chữ: ba mươi triệu tám trăm ngàn đồng chẵn					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.3. Hóa đơn GTGT số 0000386

Khoá luận tốt nghiệp

 CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THUỶ SEJIN- VINASHIN
SEJIN – VINASHIN Marine accommodation CO., LTD
KCN An Hồng, An Dương, Hải Phòng, Tell: 0313.618378

Mẫu số 01-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/3/06 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày ...03... tháng ...12...năm... 2012.....

Quyển số:
Số:090.....
Nợ:111.....
Có: ...141.....

Họ và tên người nộp tiền: Hoàng Thị Nhung.....

Địa chỉ:.....kho.....

Lý do nộp:..... thu hồi tiền mua vật tư do chi không hết ngày 24/11.....

Số tiền:.....6.520.000đ..... (Viết bằng chữ): bốn mươi triệu hai trăm ngàn đồng chẵn.....

Kèm theo:..... 01..... Chứng từ gốc

Ngày ...03.... tháng12....năm 2012....

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): ...bốn mươi triệu hai trăm ngàn đồng chẵn.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.4. Phiếu thu 090

Nghiệp vụ 3:

Ngày 28/12/2012, công ty bán 15 bộ tủ gương treo tường cho công ty TNHH Bình Minh với giá bán là 1.200.000 đồng/bộ (chưa thuế GTGT 10%), công ty Bình Minh đã thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản: Nợ TK 111: 19.800.000

Có TK 511: 18.000.000

Có TK 3331: 1.800.000

Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT bán hàng (biểu số 2.5) dưới đây để lập phiếu thu (biểu số 2.6)

Khoá luận tốt nghiệp

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT – 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/12P		
Liên 3: Nội bộ			0000694		
Ngày 28 tháng 12 năm 2012					
Người bán hàng: CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN VINASHIN					
Địa chỉ: KCN An Hồng, An Dương, Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200561820					
Điện thoại: 031.3618378					
Họ tên người mua hàng: Đặng Văn Thắng					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH BÌNH MINH					
Địa chỉ: Lập Lễ – Thủy Nguyên – Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200575848					
Hình thức thanh toán: TM					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=2 x1
1	Bộ tủ gương treo tường	bộ	15	1.200.000	18.000.000
Cộng tiền hàng:					18.000.000
Thuế suất GTGT 10% Tiền thuế GTGT:					1.800.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					19.800.000
Số tiền viết bằng chữ: mười chín triệu tám trăm ngàn đồng chẵn					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.5. Hóa đơn GTGT số 0000694

Khoá luận tốt nghiệp



CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THUỶ SEJIN- VINASHIN

SEJIN – VINASHIN Marine accommodation CO., LTD

KCN An Hồng, An Dương, Hải Phòng, Tell: 0313.618378

Mẫu số 01-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

ngày 20/3/06 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày ...28... tháng ...12...năm... 2012.....

Quyển số:

Số:096.....

Nợ:111.....

Có: ...511, 3331.....

Họ và tên người nộp tiền: .Đặng Văn Thắng.....

Địa chỉ:.....Công ty TNHH Bình Minh.....

Lý do nộp:..... Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số 0000694.....

Số tiền:.....19.800.000..... (Viết bằng chữ): mười chín triệu tám trăm ngàn đồng chẵn.....

Kèm theo:..... 01..... Chứng từ gốc

Ngày ...03..... tháng12....năm 2012....

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): ...mười chín triệu tám trăm ngàn đồng chẵn.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.6. Phiếu thu số 096

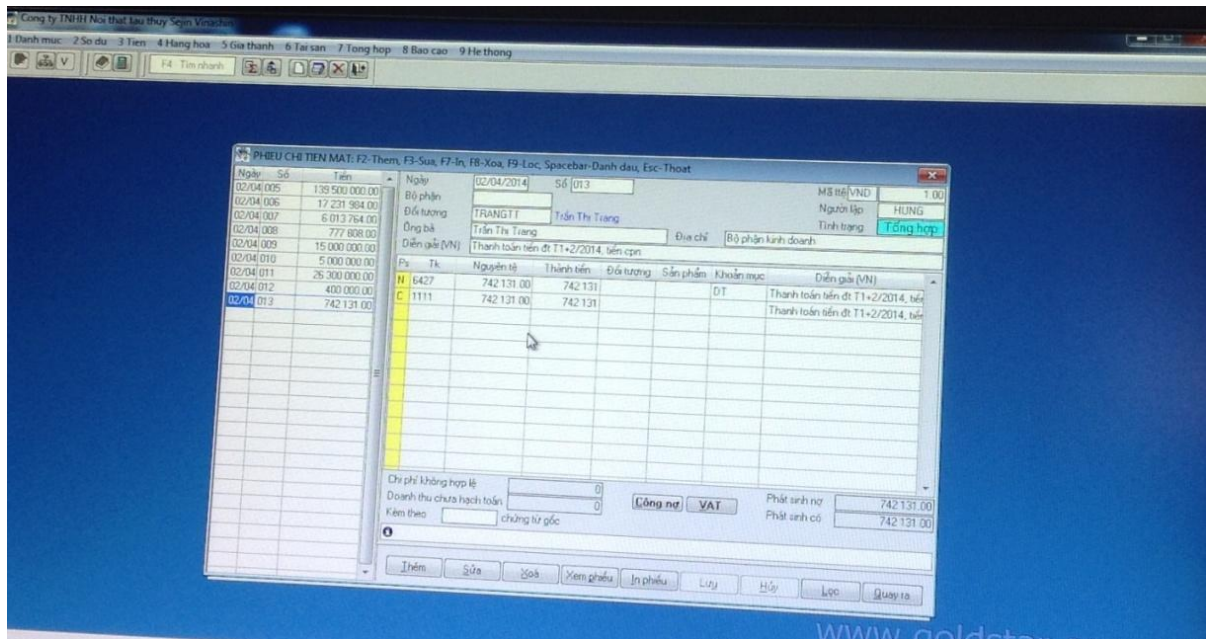
Khoá luận tốt nghiệp

b.Kế toán chi tiền mặt VNĐ tại công ty

Nghiệp vụ 1: Ngày 02/12/2012, bà Trần Thị Trang bộ phận kinh doanh thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2012 chưa thuế VAT 10% là 742.131 đồng

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/HP			
Liên 2: Giao khách hàng		0035732			
Ngày 02 tháng 12 năm 2012					
Người bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VIÊN THÔNG KIẾN QUỐC					
Địa chỉ: Khu dân cư Trung Hành, P. Đằng Lâm , Q. Hải An, Tp.Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200758934					
Điện thoại:031.3625199					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin					
Địa chỉ: Khu CNTT An Hồng - An Dương – Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200561820					
Hình thức thanh toán: TM					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=2 x1
1	Tiền điện thoại tháng 11 năm 2012				742.131
Cộng tiền hàng:					742.131
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					74.213
Tổng cộng tiền thanh toán:					816.344
Số tiền viết bằng chữ: tám trăm mười sáu ngàn ba trăm bốn mươi bốn đồng					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.7. Hóa đơn GTGT số 0035732



Hình 1.5. Giao diện màn hình phiếu chi

Khoá luận tốt nghiệp



CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THUỶ SEJIN- VINASHIN

SEJIN – VINASHIN Marine accommodation CO., LTD

KCN An Hồng, An Dương, Hải Phòng, Tell: 0313.618378

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

ngày 20/3/06 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày02... tháng...12...năm 2012.....

Quyển số:

Số:375.....

Nợ: ..642.....

Có:111.....

Họ và tên người nhận tiền: .Trần Thị Trang.....

Địa chỉ:Bộ phận kinh doanh.....

Lý do chi: .Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2012

Số tiền:816.344..... (Viết bằng chữ): ...tám trăm mười sáu ngàn ba trăm bốn mươi bốn đồng

Kèm theo:01..... Chứng từ gốc:

Ngày ...02..... tháng12.... năm 2012.....

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): ..bảy trăm bốn mươi hai ngàn một trăm ba mươi một đồng.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.8. Phiếu chi 375

Khoá luận tốt nghiệp

Nghiệp vụ 2:

Ngày 15/12/2012, công ty TNHH Sejin Vinashin mua 2 bộ máy vi tính cho phòng tài chính – kế toán của công ty TNHH TM Hoàng Phát theo hóa đơn GTGT số 0000024 với đơn giá chưa thuế VAT 10% là 8.500.000đ/bộ. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/HP			
Liên 2: Giao khách hàng		0000024			
Ngày 15 tháng 12 năm 2012					
Người bán hàng: CÔNG TY TNHH TM HOÀNG PHÁT					
Địa chỉ: số 7 lô 28 đường Lê Hồng Phong, p. Đông Khê, q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200478653					
Điện thoại: 031.3556488					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin					
Địa chỉ: Khu CNTT An Hồng - An Dương – Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200561820					
Hình thức thanh toán: TM					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=2 x1
1	Máy tính để bàn	bộ	2	8.500.000	17.000.000
Cộng tiền hàng:					17.000.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					1.700.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					18.700.000
Số tiền viết bằng chữ: mười tám triệu bảy trăm ngàn đồng chẵn					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.9. Hóa đơn GTGT số 0000024

Khoá luận tốt nghiệp



CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THUỶ SEJIN- VINASHIN

SEJIN – VINASHIN Marine accommodation CO., LTD

KCN An Hồng, An Dương, Hải Phòng, Tell: 0313.618378

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

ngày 20/3/06 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày15... tháng...12...năm 2012.....

Quyển số:

Số:385.....

Nợ: ..642,133.....

Có:111.....

Họ và tên người nộp tiền:Nguyễn Thị Hòa.....

Địa chỉ:Bộ phận tài chính – kế toán.....

Lý do chi: .Thanh toán tiền mua máy tính để bàn.....

Số tiền:18.700.000..... (Viết bằng chữ): ...mười tám triệu bảy trăm ngàn đồng chẵn.....

Kèm theo:01..... Chứng từ gốc:

Ngày ...15..... tháng12.... năm 2012.....

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): ..ba mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.10. Phiếu chi số 385

Khoá luận tốt nghiệp

Nghiệp vụ 3:

Ngày 28/12/2012, công ty chỉ cho ông Nguyễn Văn Hưng tiền sửa chữa xe 16LD0608, số tiền 5.005.000 đồng. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000474, ông Nguyễn Văn Hưng gửi giấy đề nghị thanh toán lên phòng kế toán. Kế toán sau khi xem xét chứng từ liên quan, trình lên giám đốc và kế toán trưởng duyệt chỉ sau đó kế toán lập phiếu chi.

Kế toán định khoản: Nợ TK 338: 4.550.000

Nợ TK 133: 4550.000

Có TK 111: 5.005.000

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT – 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/12P			
Liên 2: Giao khách hàng		0000474			
Ngày 28 tháng 12 năm 2012					
Người bán hàng: Công ty TNHH Thương Mại Nguyễn Ngọc Thanh					
Địa chỉ: 12/220 – Tô Hiệu – Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3611373					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Hưng					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin					
Địa chỉ: Khu CNTT An Hồng - An Dương – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=2 x1
1	Sửa chữa xe 16LD0608			4.550.000	4.550.000
Cộng tiền hàng:					4.550.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					455.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					5.005.000
Số tiền viết bằng chữ: năm triệu lẻ năm ngàn đồng chẵn					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.11. Hóa đơn GTGT 0000474

Đơn vị: Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin

Địa chỉ: KCN An Hồng, An
Dương, Hải Phòng

Mẫu số 05-TT
(Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ
trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 28 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: Ban giám đốc công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin

Họ và tên người đề nghị thanh toán : Nguyễn Văn Hưng

Bộ phận (hoặc địa chỉ): lái xe

Nội dung thanh toán: tiền sửa chữa xe 16LD0608

Số tiền: 5.005.000 (Viết bằng chữ): Năm triệu lẻ năm ngàn đồng chẵn

(Kèm theo 01 chứng từ gốc)

**Người đề nghị thanh
toán**

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người duyệt

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.12. Giấy đề nghị thanh toán

Khoá luận tốt nghiệp



CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THUỶ SEJIN- VINASHIN
SEJJIN – VINASHIN Marine accommodation CO., LTD
KCN An Hồng, An Dương, Hải Phòng, Tell: 0313.618378

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/3/06 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày28... tháng...12...năm 2012.....

Quyển số:

Số:392.....

Nợ: ..338,133.....

Có:111.....

Họ và tên người nộp tiền:Nguyễn Văn Hưng.....

Địa chỉ: ..Bộ phận lái xe.....

Lý do chi: .Thanh toán tiền sửa chữa xe 16LD0608.....

Số tiền:5.005.000..... (Viết bằng chữ): ..năm triệu lẻ năm ngàn đồng chẵn.....

Kèm theo:01..... Chứng từ gốc

Ngày ...28..... tháng12.... năm 2012.....

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): ..năm triệu lẻ năm ngàn đồng chẵn.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Biểu số 2.13. Phiếu chi số 392

Khoá luận tốt nghiệp

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN VINASHIN
KCN AN HỒNG, AN DƯƠNG, HẢI PHÒNG

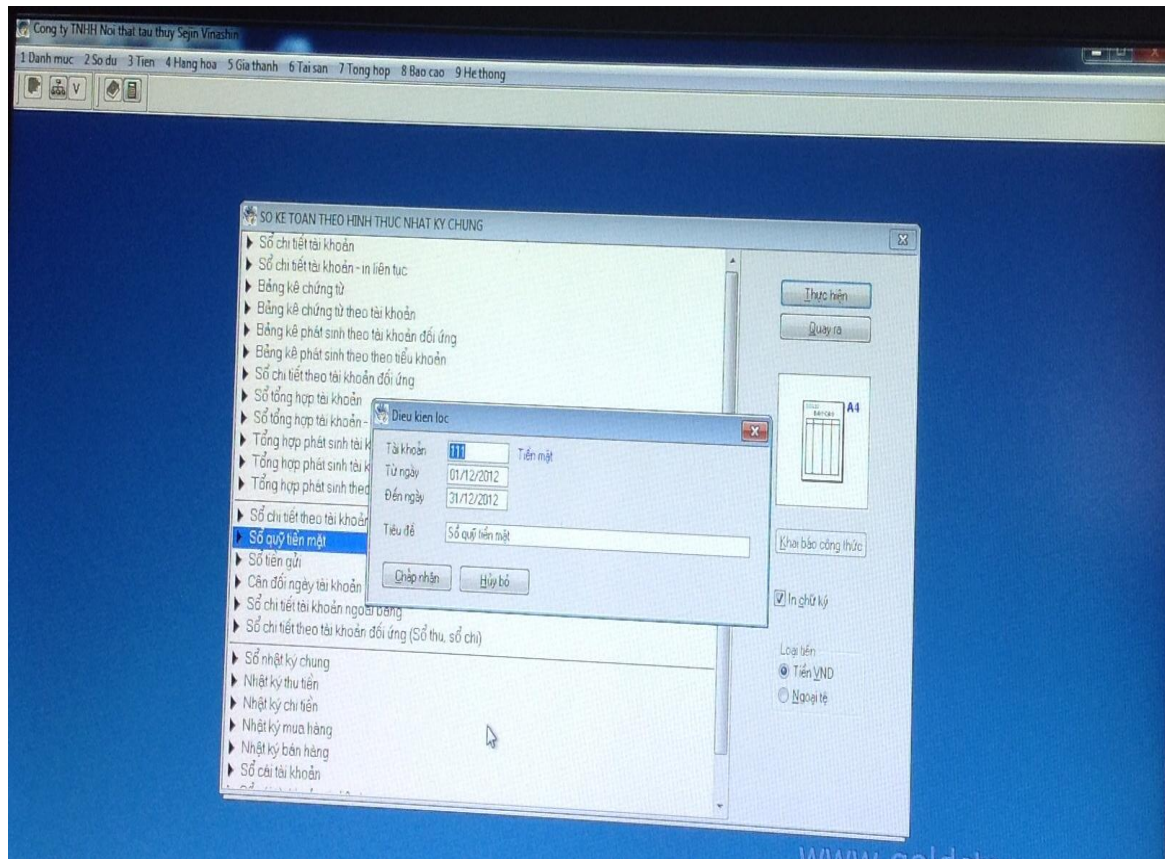
SỔ NHẬT KÝ CHUNG

(Từ ngày 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012)

Đơn vị tính: VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TK đối ứng	PS Nợ	PS Có
			Số trang trước chuyển sang			
PT	02/12	089	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt	111 112	390.000.000	390.000.000
PC	02/12	375	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2012	642 133 111	742.131 74.213	816.344
PT	03/12	090	Thu hồi tiền mua vật tư do không chi hết ngày 24/11/2012	111 141	6.520.000	6.520.000
....						
PC	07/12	378	Thanh toán tiền phí chứng thực bản sao	642 111	270.000	270.000
....						
PC	15/12	385	Thanh toán tiền mua máy vi tính	642 133 111	17.000.000 1.700.000	18.700.000
....						
PC	28/12	392	Thanh toán tiền sửa chữa xe 16LD0608	642 133 111	4.550.000 455.000	5.005.000
PT	28/12	096	Thu tiền hàng theo HĐ GTGT 0000694	111 511 3331	19.800.000	18.000.000 1.800.000
			Cộng chuyển sang trang sau			

Biểu số 2.14. Trích sổ nhật ký chung tiền mặt



Hình 1.6. Giao diện nhập sổ quỹ tiền mặt

Khoá luận tốt nghiệp

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN VINASHIN
KCN AN HỒNG, AN DƯƠNG, HẢI PHÒNG

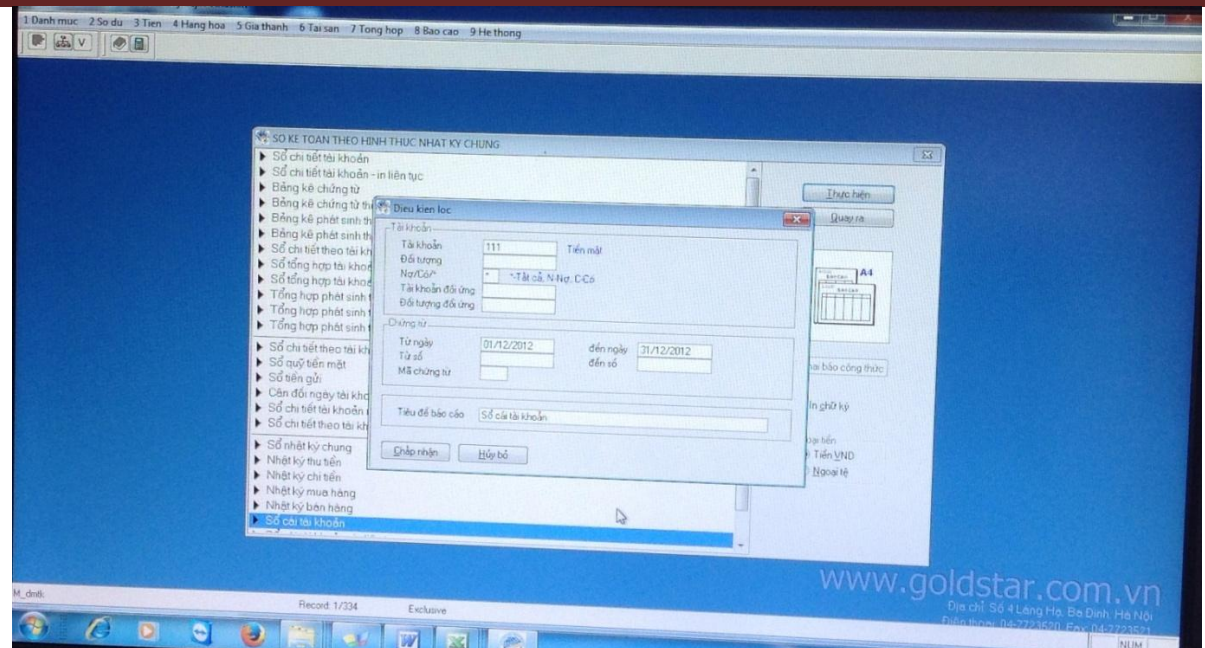
SỔ QUỸ TIỀN MẶT (Từ ngày 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012)

Đơn vị tính: VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	PS Nợ	PS có	Tồn
			Tồn đầu tháng			30.600.000
PT	02/12	089	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	390.000.000		420.600.000
PC	03/12	375	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2012		816.344	419.783.656
PT	03/12	090	Thu hồi tiền mua vật tư không chi hết ngày 24/11/2012	6.520.000		426.303.656
....						
PC	07/12	378	Thanh toán tiền phí chứng thực bản sao		270.000	426.033.656
....						
PC	15/12	385	Thanh toán tiền mua máy vi tính		18.700.000	407.333.656
....						
PC	28/12	392	Thanh toán tiền sửa chữa xe 16LD0608		5.005.000	402.328.656
PT	28/12	096	Thu tiền hàng theo HĐGTGT 0000694	19.800.000		422.128.656
....						
			Cộng số phát sinh	445.650.500	290.649.860	
			Tồn cuối tháng			185.600.640

Biểu số 2.15. Trích sổ quỹ tiền mặt

Khoá luận tốt nghiệp



Hình 1.7. Giao diện nhập sổ cái TK 111 – tiền mặt

SỔ CÁI TÀI KHOẢN					
TỪ NGÀY 01/12/2012 ĐẾN NGÀY 31/12/2012					
Ma	Ngày	Số	Diễn giải	Tk Dr	Ps no / Ps co
Số dư đầu kỳ					
0	PT	03/12/2012	090 Thu hồi tiền mua vật tư của Mrs. Nhung do chi không hết từ 25/07->24/10/2012		55 013 829
1	PT	03/12/2012	091 Vay ngắn hạn chi Ngân theo GNN 10/12/03/12/2012 (lãi suất 6%/tháng)	141	40 200 000
2	PC	03/12/2012	576 Thanh toán tiền xăng xe + chi phí xe T9/2012 cho Mr Thái (114789->118860) và đổi trả tạm ứng tiền xăng xe	3111	79 300 000
3	PC	03/12/2012	577 Thanh toán tiền tiếp khách và cước gửi bưu phẩm tài liệu	3388	18 140 500
4	PC	03/12/2012	577 Thanh toán tiền tiếp khách và cước gửi bưu phẩm tài liệu	1331	217 000
5	PC	03/12/2012	577 Thanh toán tiền tiếp khách và cước gửi bưu phẩm tài liệu	6427	1 021 113
6	PC	03/12/2012	577 Thanh toán tiền tiếp khách và cước gửi bưu phẩm tài liệu	6428	2 170 000
7	PC	03/12/2012	578 Thanh toán tiền xăng xe + chi phí xe T10+11/2012 (118860->124260) cho Mr Thái	3388	18 336 300
8	PC	03/12/2012	579 Thanh toán tiền xăng xe + chi phí xe 16LD0608 tháng 10+11/2012 cho Mr Bùi (419795->422651)	3388	7 655 450
9	PC	03/12/2012	580 Thanh toán tiền mua vật tư theo HD 024(12/10/12), 0025(22/10/2012), 0026(05/11/2012) (tỷ lệ Hải Cường)	3388	40 238 000
10	PT	21/12/2012	092 Thanh toán 1 phần tiền mua hàng DHVTLP012-2590(24/11/12) (HD 0079/24/11/2012)	1311	3 345 000
11	PC	25/12/2012	581 IT lãi vay cho chi Mai Anh theo GNN 07/11/23/06/2011, 17/11/05/10/11, 19/11/23/10/11 (lãi từ 25/11->24/12)	3352	46 500 000
12	PC	28/12/2012	582 Thanh toán cước ĐT Mobi tháng 11/2012 Mrs. Tuyết, Mrs. Dung, Mrs. Hồng, Mrs. Xuân T11/12)	1331	151 628
13	PC	28/12/2012	582 Thanh toán cước ĐT Mobi tháng 11/2012 Mrs. Tuyết, Mrs. Dung, Mrs. Hồng, Mrs. Xuân T11/12)	13881	134 738
14	PC	28/12/2012	582 Thanh toán cước ĐT Mobi tháng 11/2012 Mrs. Tuyết, Mrs. Dung, Mrs. Hồng, Mrs. Xuân T11/12)	6427	1 322 613
15	PC	28/12/2012	583 Thanh toán cước ĐT Viettel tháng 12/2012 Mrs. Hiền, Mrs. Tuyết, Mrs. Ngân, Mr. Học	1331	37 864
16	PC	28/12/2012	583 Thanh toán cước ĐT Viettel tháng 12/2012 Mrs. Hiền, Mrs. Tuyết, Mrs. Ngân, Mr. Học	13881	116 503
17	PC	28/12/2012	583 Thanh toán cước ĐT Viettel tháng 12/2012 Mrs. Hiền, Mrs. Tuyết, Mrs. Ngân, Mr. Học	6427	953 836
18	PC	28/12/2012	584 Thanh toán tiền gas + ăn ca T11/2012 cho Mrs. Dung	3388	15 510 000
19	PC	28/12/2012	585 Thanh toán tiền ăn ca T12/2012 cho Mrs. Dung	3388	10 635 000
20	PC	28/12/2012	585 Thanh toán tiền xăng xe + chi phí xe 16LD0608 tháng 12/2012 cho Mr. Bùi (422651->427051)	3388	4 708 000

Hình 1.8. Giao diện sổ cái TK 111 – tiền mặt

Khoá luận tốt nghiệp

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN VINASHIN
KCN AN HỒNG, AN DƯƠNG, HẢI PHÒNG

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 111
 (Từ ngày 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012)

Đơn vị tính: VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có
	-		<u>Số dư đầu kỳ</u>		<u>30.600.000</u>	
PT	02/12	089	Rút tiền từ tài khoản ngân hàng SHB về nhập quỹ tiền mặt	112	390.000.000	
PC	02/12	375	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2012	642		816.344
PT	03/12	090	Thu hồi tiền mua vật tư do không chi hết ngày 24/11/2012	141	6.520.000	
.....						
PC	07/12	378	Thanh toán tiền phí chứng thực bản sao	642		270.000
.....						
PC	15/12	385	Thanh toán tiền mua máy vi tính	642		17.000.000
				133		1.700.000
.....						
PC	28/12	392	Thanh toán tiền sửa chữa xe 16LD0608	338		4.550.000
				133		455.000
PT	28/12	096	Thu tiền hàng theo HĐ GTGT 0000694	511	18.000.000	
				3331	1.800.000	
.....						
	-		Cộng phát sinh		445.650.500	290.649.860
	-		<u>Số dư cuối kỳ</u>		<u>185.600.640</u>	

Biểu số 2.16. Trích sổ cái TK 111 – tiền mặt

2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin.

- Tiền gửi ngân hàng: là số tiền nhận rồi của doanh nghiệp đang gửi tại ngân hàng, kho bạc hay công ty tài chính.
- Nguyên tắc quản lý tiền gửi ngân hàng: khi cần chi tiêu, doanh nghiệp làm thủ tục rút tiền hay chuyển tiền. Việc hạch toán tiền gửi ngân hàng phải mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tiền gửi ngân hàng.
- Tại công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin, kế toán tiền gửi ngân hàng phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình tiền gửi, giám sát việc chấp hành các chế độ quản lý tiền và chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.
- Các nghiệp vụ tiền gửi ngân hàng của doanh nghiệp căn cứ vào các chứng từ như ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, giấy báo nợ, giấy báo có, sổ hạch toán chi tiết của ngân hàng...
- Khi nhận được giấy báo có của ngân hàng, kế toán tiền gửi ngân hàng phải kiểm tra, đối chiếu các chứng từ gốc kèm theo, nếu có sự chênh lệch giữa chứng từ của ngân hàng với số liệu kế toán của doanh nghiệp thì kế toán phải báo lại cho ngân hàng để kiểm tra, đối chiếu, xử lý.
- Hiện nay công ty đang thực hiện giao dịch với các ngân hàng:
 - + Ngân hàng ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng
 - + Ngân hàng SHB

2.2.2.1. Tài khoản, chứng từ và sổ sách sử dụng



Tài khoản:

Để hạch toán tiền gửi ngân hàng, kế toán sử dụng TK 112 – tiền gửi ngân hàng (chi tiết TK 1121 – tiền gửi ngân hàng là tiền Việt Nam).

Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tiền gửi của công ty



Chứng từ sử dụng.

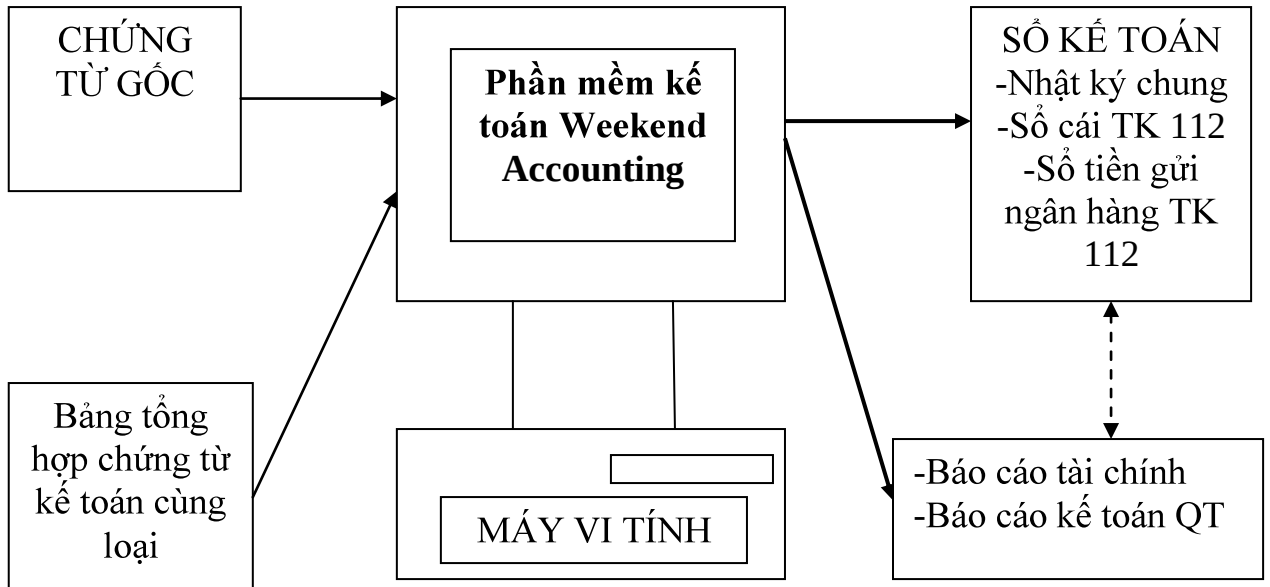
- Giấy báo nợ
- Giấy báo có
- Bản sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc: ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản, séc bảo chi,...



Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung (mẫu số S03a – DN)
- Sổ tiền gửi ngân hàng (mẫu số S07 – DN)
- Sổ cái TK 112 (mẫu số S03b – DN)

2.2.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng $\longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

Sơ đồ 2.6. Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng tại công ty

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, sau khi đã kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các chứng từ, kế toán lập ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu và tiến hành ghi sổ sách liên quan. Đến cuối quý, căn cứ vào các chứng từ sổ sách, kế toán tổng hợp lập lên báo cáo tài chính

2.2.2.3. Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng tại công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin.

a. Kế toán tăng tiền gửi ngân hàng

Nghiệp vụ 1:

Ngày 28/12/2012, công ty TNHH Hải Cường thanh toán tiền hàng mua 4 bộ cửa ngăn cháy theo HĐ GTGT số 0000426 bằng chuyển khoản số tiền 49.896.320 đồng

Kế toán định khoản: Nợ TK 112: 49.896.320

Có TK 131: 49.896.320

Khoá luận tốt nghiệp

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT – 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/12P			
Liên 3: Lưu nội bộ		0000426			
<i>Ngày 28 tháng 12 năm 2012</i>					
Người bán hàng: CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN VINASHIN Địa chỉ: Khu CNTT An Hồng – An Dương – Hải Phòng Mã số thuế: 0200561820 Điện thoại: 031.3618378					
Họ tên người mua hàng; Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH HẢI CƯỜNG Địa chỉ: Số 215 Quán Toan – Hải Phòng Hình thức thanh toán: CK					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=2 x1
1	Cửa ngăn cháy	Bộ	4		49.896.320
Cộng tiền hàng:					49.896.320
Thuế suất GTGT 10% Tiền thuế GTGT:					4.989.632
Tổng cộng tiền thanh toán:					54.885.952
Số tiền viết bằng chữ: năm mươi bốn triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn, chín trăm năm mươi hai đồng Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> <i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số 2.17. Hóa đơn GTGT 0000426

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã GDV:

Mã KH:

Số: 053.1

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 28 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có: 0031000088210

Số tiền bằng số: 54.885.952

Số tiền bằng chữ: Năm mươi bốn triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn chín trăm năm mươi hai đồng.

Nội dung: Công ty TNHH Hải Cường thanh toán tiền hàng

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

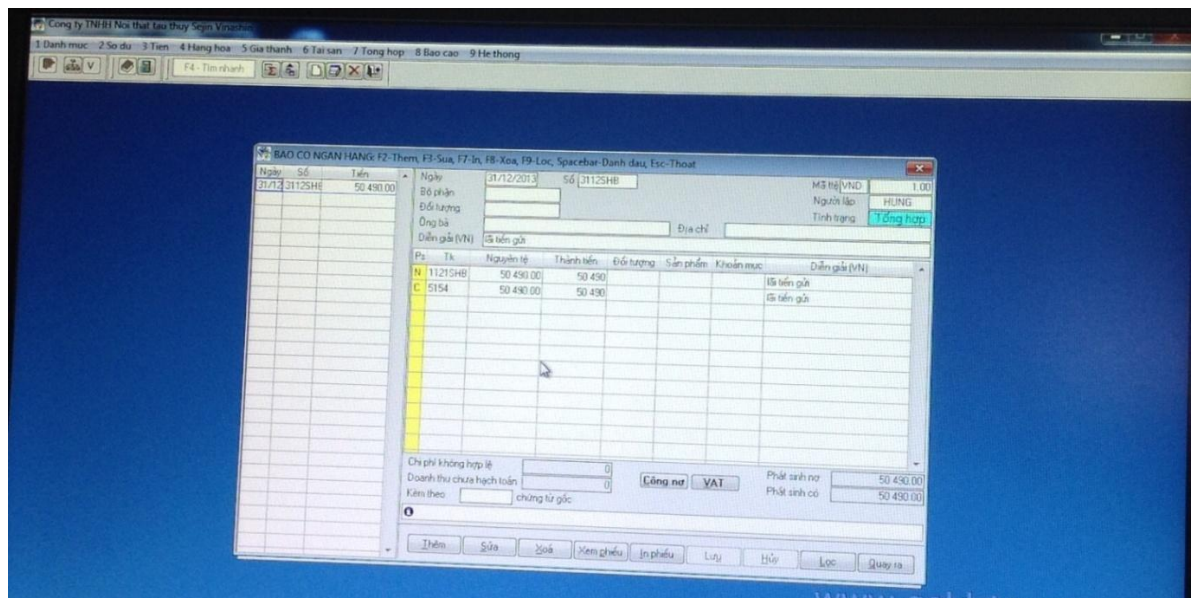
Biểu số 2.18. Giấy báo có số 053.1

Nghiệp vụ 2:

Ngày 31/12/2012 Ngân hàng SHB trả lãi tiền gửi tháng 12 cho công ty 50.490đ.

Kế toán định khoản: Nợ TK 112: 50.490

Có TK 515: 50.490



Hình 1.9. Giao diện màn hình giấy báo có của công ty



NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI

Mã GDV:

Mã KH: 12986

Số GD: 3112SHB

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có: 00268094725

Số tiền bằng số: 50.490

Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi ngàn bốn trăm chín mươi đồng chẵn./

Nội dung: #Nhận tiền lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12/2012#

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

Biểu số 2.19. Giấy báo có ngân hàng SHB số 3112SHB

b. Kế toán giảm tiền gửi ngân hàng

Nghiệp vụ 1:

Ngày 02/12/2012, công ty rút tiền gửi tại ngân hàng SHB về nhập quỹ tiền mặt số tiền 390.000.000 đồng

Kế toán định khoản: Nợ TK 111: 390.000.000

Có TK 112: 390.000.000



NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI

Mã GDV:

Mã KH: 12047

Số GD: 3004SHB

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi nợ: 00268094725

Số tiền bằng số: 390.000.000

Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm chín mươi ngàn đồng chẵn./

Nội dung: #rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt#

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

Biểu số 2.20. Giấy báo có ngân hàng SHB số 3004SHB

Khoá luận tốt nghiệp



GIẤY LĨNH TIỀN MẶT

Ngày 02 tháng 12 năm 2012

Số:.....

KHTK:

Chi nhánh: Hải Phòng

Họ tên khách hàng: Hoàng Thị Hưng

Địa chỉ : Số 24 – Quán Toan – Hải Phòng

CMT (Hộ chiếu) số: 0313214295 Ngày 26/06/2001

Nơi cấp: Công an Hải Phòng

Tài khoản: 00268094725

Tại Ngân hàng; TMCP Sài Gòn Hà Nội

PHẦN DO NGÂN HÀNG GHI

Tài khoản ghi Nợ
Mã Ngân hàng 12047

Yêu cầu cho rút tiền (bằng chữ): Ba trăm chín mươi triệu đồng
chẵn

Số tiền bằng số 390.000.000

Nội dung : Rút tiền mặt.....

Biểu số 2.21. Giấy lĩnh tiền mặt của ngân hàng SHB

		Số 225/2012 Trang 1/1		
SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG Ngày 02/12/2012				
Số tài khoản: 00268094725		Loại tiền: VNĐ		
Loại tài khoản: tiền gửi thanh toán				
Khách hàng: Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin				
Ngày giao dịch	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có
	Số dư đầu ngày			858.505.000
02/12/2012	Rút tiền từ tài khoản ngân hàng	TT 1035583209	390.000.000	
	Số dư cuối ngày			468.505.000
Kế toán			Kiểm soát	

Biểu số 2.22. Sổ phụ khách hàng ngân hàng SHB

Nghiệp vụ 2:

Ngày 28/12/2012, thanh toán số dư tài khoản AV0300255 (Mai Văn Hòa) ngân hàng VCB, đến ngày 27/12/2012

Kế toán định khoản: Nợ TK 138: 24.419.844

Có TK 112: 24.419.844

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã GDV

Mã KH

Số: 51.2

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 28 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi nợ: AV0300255

Số tiền bằng số: 24.419.844

Số tiền bằng chữ: hai mươi bốn triệu bốn trăm mười chín ngàn tám trăm bốn mươi bốn đồng

Nội dung: thanh toán số dư tài khoản AV0300255

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

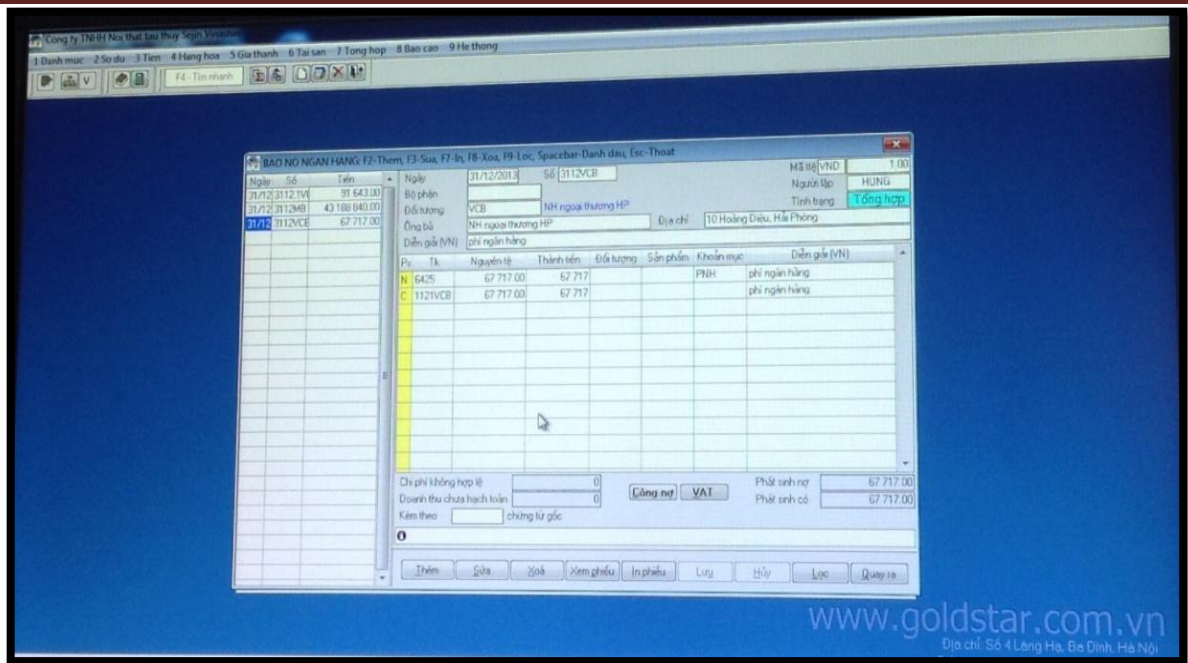
Biểu số 2.23. Giấy báo nợ số 51.2

Nghiệp vụ 3:

Ngày 31/12/2012, doanh nghiệp nộp phí ngân hàng tháng 12/2012 cho ngân hàng Ngoại thương chi nhánh Hải Phòng là 67.717 đồng

Kế toán hạch toán: Nợ TK 642: 67.717

Có TK 112: 67.717



Hình 1.10. Giao diện giấy báo nợ ngân hàng

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã GDV

Mã KH

Số : 53.2

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi nợ: 0031000088210

Số tiền bằng số: 67.717

Số tiền bằng chữ: sáu mươi bảy ngàn bảy trăm mười bảy đồng chẵn

Nội dung: trả phí ngân hàng tháng 12 năm 2012

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu số 2.24. Giấy báo nợ số 53.2

Khoá luận tốt nghiệp

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN VINASHIN KCN AN HỒNG, AN DƯƠNG, HẢI PHÒNG

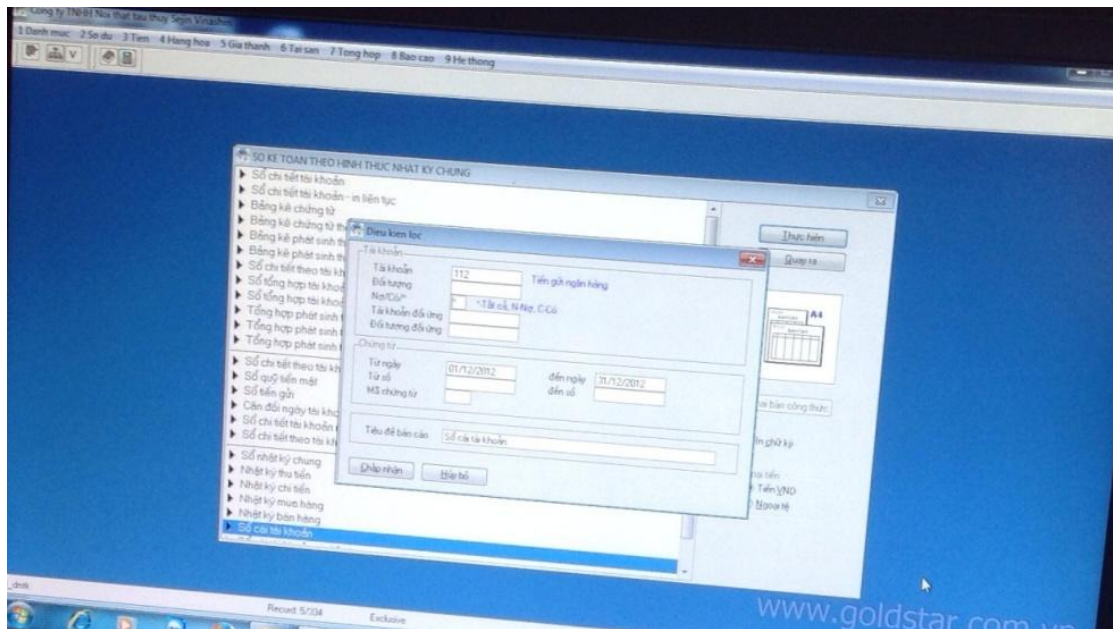
SỔ NHẬT KÝ CHUNG

(Từ ngày 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012)

Đơn vị tính: VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TK đối ứng	PS Nợ	PS Có
			Số trang trước chuyển sang			
BN	02/12	3004SHB	Rút tiền gửi ngân hàng SHB về nhập quỹ tiền mặt	111	390.000.000	
				112		390.000.000
.....						
BC	16/12	3108SHB	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng SHB	112	15.000.000	
				111		15.000.000
BC	28/12	053.1	Công ty TNHH Hải Cường thanh toán tiền hàng vào tài khoản tại ngân hàng VCB	112	54.885.952	
				131		54.885.952
BN	28/12	51.2	Thanh toán số dư tài khoản AV0300255 (Mai Văn Hòa) ngân hàng VCB, đến ngày 27/12/2012	1388	24.419.844	
				112		24.419.844
.....						
BC	31/12	3112SHB	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng SHB tháng 12/2012	112	50.490	
				515		50.490
UNC	31/12	069	Trả cước tiền vận chuyển	641	1.200.000	
				133	120.000	
				112		1.320.000
BN	31/12	52.2	Thanh toán tiền mua máy chiếu	142	25.000.000	
				133	2.500.000	
				112		27.500.000
BN	31/12	53.2	Trả phí ngân hàng VCB tháng 12/2012	642	67.717	
				112		67.717
.....						
			Cộng chuyển sang trang sau			

Biểu số 2.25. Sổ nhật ký chung tiền gửi ngân hàng (trích tháng 12/2012)



Hình 1.11. Giao diện nhập sổ cái TK 112 – TGNH

Khoa luận tốt nghiệp

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN VINASHIN
KCN AN HỒNG, AN DƯƠNG, HẢI PHÒNG

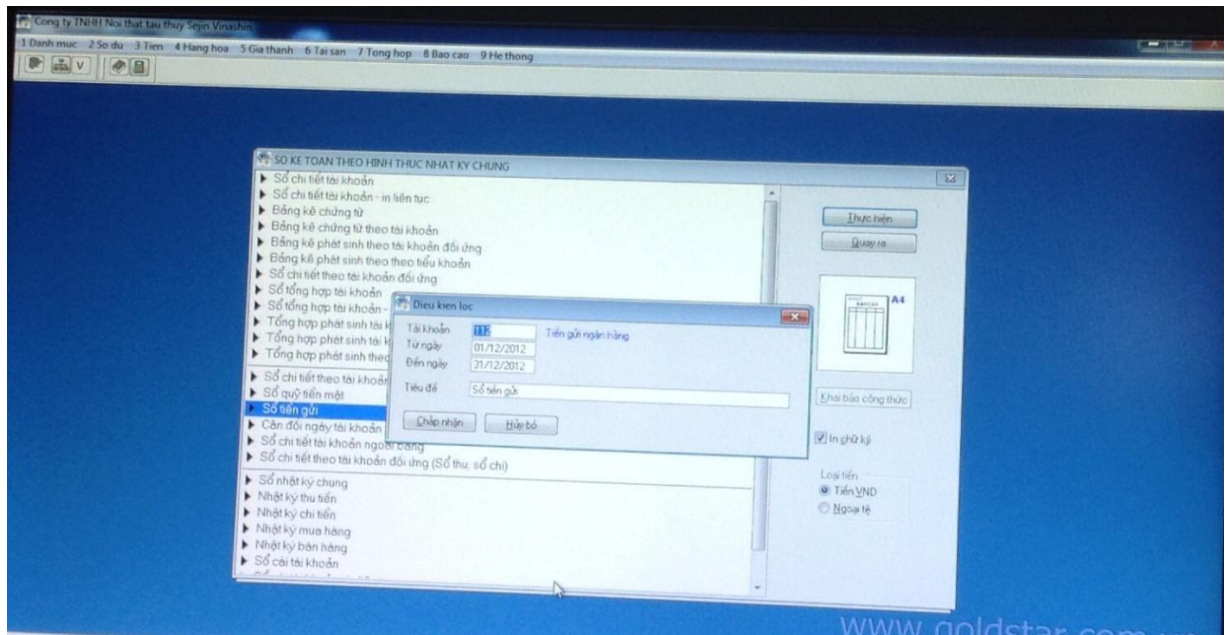
SỔ CÁI TÀI KHOẢN 112

Từ ngày 01/12/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có
	-		<u>Số dư đầu tháng</u>		<u>1.456.505.000</u>	
BN	02/12	3004SHB	Rút tiền từ tài khoản ngân hàng SHB về nhập quỹ tiền mặt	111		390.000.000
.....						
BC	16/12	3108SHB	Nộp tiền vào tài khoản	111	15.500.000	
.....						
BC	28/12	053.1	Công ty TNHH Hải Cường thanh toán tiền hàng	131	54.885.952	
BN	28/12	51.2	Thanh toán số dư tài khoản AV0300255 (Mai Văn Hòa) ngân hàng VCB đến ngày 27/12/2012	138		24.419.844
.....						
BC	31/12	3112SHB	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng SHB tháng 12/2012	515	50.490	
UNC	31/12	069	Trả cước tiền vận chuyển	641 133		1.200.000 120.000
BN	31/12	52.2	Thanh toán tiền mua máy chiếu	142 133		25.000.000 2.500.000
BN	31/12	53.2	Trả phí ngân hàng VCB tháng 12/2012	642		67.717
.....						
	-		Cộng phát sinh		747.164.500	882.576.220
	-		<u>Số dư cuối tháng</u>		<u>1.321.093.280</u>	

Biểu số 2.26. Sổ cái TK 112 - TGNH



Hình 1.12. Giao diện nhập sổ tiền gửi ngân hàng

Khoá luận tốt nghiệp

CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN VINASHIN
KCN AN HỒNG, AN DƯƠNG, HẢI PHÒNG

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

Số hiệu tài khoản nơi gửi: 1121

Đơn vị tính: VND

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	Số tiền		
				Thu (ghi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại
			<u>Số dư đầu tháng</u>			<u>858.505.000</u>
....						
BN	02/12	3004SHB	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt		390.000.000	468.505.000
.....						
BC	16/12	3108SHB	Nộp tiền vào tài khoản	15.000.000		483.505.000
BC	31/12	3112SHB	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12/2012	50.490		483.555.490
UNC	31/12	069	Trả cước tiền vận chuyển		1.320.000	482.235.490
....						
			Cộng số phát sinh	260.408.500	568.463.500	
			<u>Tồn cuối tháng</u>			<u>550.450.000</u>

Biểu số 2.27. Sổ tiền gửi ngân hàng SHB (trích tháng 12/2012)

Khoá luận tốt nghiệp

**CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN VINASHIN
KCN AN HỒNG, AN DƯƠNG, HẢI PHÒNG**

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank

Số hiệu tài khoản nơi gửi: 1121

Đơn vị tính: VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	Số tiền		
				Thu (ghi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại
			Số dư đầu tháng			598.000.000
.....						
BC	28/12	053.1	Công ty TNHH Hải Cường thanh toán tiền hàng	54.885.952		652.885.952
BN	28/12	51.2	Thanh toán số dư tài khoản AV0300255 (Mai Văn Hòa) đến ngày 27/12/2012		24.419.844	628.466.108
.....						
BN	31/12	52.2	Rút tiền gửi ngân hàng trả tiền mua bàn ghế văn phòng		5.500.000	622.966.108
BN	31/12	53.2	Trả phí ngân hàng VCB tháng 12/2012		67.717	622.898.391
.....						
			Cộng số phát sinh	486.756.000	314.112.720	
			Tồn cuối tháng			770.643.280

Biểu số 2.28. Sổ tiền gửi ngân hàng Vietcombank (trích tháng 12/2012)

**CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY SEJIN VINASHIN
KCN AN HỒNG, AN DƯƠNG, HẢI PHÒNG**

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 1121

(Từ ngày 01/12/2012 đến ngày 12/12/2012)

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Tên ngân hàng	Dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Ngân hàng Vietcombank	598.000.000		486.756.000	314.112.720	770.643.280	
2	Ngân hàng SHB	858.505.000		260.408.500	568.463.500	550.450.000	
	Tổng cộng	1.456.505.000		747.164.500	882.576.220	1.321.093.280	

Biểu số 2.29. Sổ tổng hợp chi tiết tài khoản 1121

**CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC
KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH NỘI THẤT THỦY
SEJIN VINASHIN.**

3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán và kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin.

- Kể từ ngày thành lập và đi vào hoạt động kinh doanh đến nay, Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin đã trải qua không ít khó khăn và thách thức để vươn lên tự khẳng định mình. Đặc biệt là trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay. Nhưng chính những rào cản đó lại là những động lực để công ty nỗ lực, phát huy mọi thế mạnh của mình, từng bước vươn lên phát triển và khẳng định vị thế của mình trên thị trường.

- Với sự năng động sáng tạo của đội ngũ quản lý và sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên, công ty đã có những cố gắng đáng ghi nhận trong việc tổ chức bộ máy quản lý nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường

- Do khối lượng công việc hạch toán lớn nên lao động kế toán được phân công theo các phần hành kế toán. Công ty luôn đảm bảo đúng nguyên tắc hạch toán kế toán đặc biệt là trong công tác quản lý vốn bằng tiền để tránh được gian lận thất thoát quỹ tiền mặt đồng thời sử dụng tốt nhất đồng vốn hiện có.

- Có thể nói, mô hình kế toán mà công ty đang áp dụng đã phát huy vai trò của nó, góp phần quan trọng vào việc phân công lao động một cách hợp lý, hỗ trợ đắc lực cho lãnh đạo công ty trong việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh.

- Công tác quản lý và kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đắc lực phục vụ cho quá trình quản lý sản xuất kinh doanh của công ty.

3.1.1. Ưu điểm và nhược điểm của công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty

a. Ưu điểm:

❖ **Về công tác quản lý:** Là một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập với quy mô kinh doanh vừa và nhỏ, công ty đã tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức một cách hợp lý, khoa học và hoạt động có nề nếp, phù hợp với loại hình và quy mô của doanh nghiệp.

Đồng thời có những biện pháp quản lý một cách chặt chẽ công việc ở tất cả các khâu, từng bộ phận trong công ty một cách nhịp nhàng và có hiệu quả.

Bên cạnh đó, công ty cũng bổ sung các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn và năng lực tốt đồng thời có những chế độ khen thưởng cũng như kỷ luật kịp thời nhằm tạo kỷ cương cho doanh nghiệp cũng như khuyến khích người lao động.

❖ Về tổ chức kế toán nói chung:

- Tổ chức bộ máy kế toán của công ty gọn nhẹ và khoa học, hoạt động có nề nếp phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty được chuyên môn hóa, tiết kiệm thời gian, chi phí và chính xác hơn, góp phần nâng cao trình độ nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán.

- Đội ngũ cán bộ và nhân viên kế toán trong công ty có trình độ nghiệp vụ, nắm vững và am hiểu các chế định kế toán, nhiệt tình yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc. Mỗi nhân viên kế toán đều có thể sử dụng được máy vi tính nên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng, số liệu chính xác

- Hiện nay, công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin đang áp dụng hình thức Nhật ký chung cùng phần mềm kế toán máy Weekend Accounting, điều này giúp cho việc hạch toán kế toán được đơn giản, dễ dàng và cho ra kết quả mang tính chính xác rất cao.

❖ Về công tác kế toán vốn bằng tiền

- Việc giữ gìn và bảo quản tiền mặt trong két được bảo đảm tính an toàn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật hàng ngày nên thông tin kế toán luôn mang tính liên tục và chính xác.

- Hệ thống tài khoản được áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán do Nhà nước ban hành và đã được chi tiết cho từng loại tiền.

- Thủ quỹ là người có tư chất tốt, có năng lực chuyên môn, thận trọng trong nghề nghiệp và không trực tiếp là nhân viên kế toán. Việc nhập và xuất quỹ tiền mặt đều dựa vào những chứng từ gốc hợp lý, hợp lệ được kế toán trưởng soát xét và giám đốc công ty phê duyệt, có đầy đủ chữ ký của người nộp tiền, nhập xuất quỹ... Sau đó chuyển cho thủ quỹ để làm thủ tục xuất quỹ, nhập quỹ. Vì vậy hạn chế tối đa được tình trạng chi tiêu lãng phí, đảm bảo các khoản chi tiêu đều hợp lý, có mục đích rõ ràng.

- Với tiền gửi ngân hàng, kế toán liên hệ chặt chẽ và có quan hệ với ngân hàng, công ty cũng mở sổ chi tiết tình hình biến động về tiền gửi ngân hàng giúp cho việc kiểm tra, đối chiếu, quản lý dễ dàng, chặt chẽ hơn.

- Lãnh đạo công ty cùng với kế toán trưởng luôn giám sát chặt chẽ thu chi và quản lý tiền mặt, tiền gửi để đáp ứng được nhu cầu thanh toán, đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty được diễn ra liên tục đem lại hiệu quả cao cho công ty.

b. Những hạn chế

Mặc dù công tác kế toán tại công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin đã đáp ứng được những nhu cầu quản lý về hai khía cạnh, tuân thủ chuẩn mực kế toán chung và phù hợp với tình hình quản lý thực tế tại công ty. Nhưng vẫn còn tồn tại một số hạn chế trong công tác kế toán nói chung và trong công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng

- Việc công ty chỉ tập trung ghi toàn bộ vào sổ nhật ký chung và sổ chi tiết mà chưa mở các sổ nhật ký đặc biệt như: nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền,.. chưa thực sự là phương án tối ưu vì điều này sẽ khiến cho sổ nhật ký chung dày đặc, không tiện trong việc theo dõi các khoản thu chi trong kỳ kế toán.

- Công ty chưa tận dụng hết hình thức thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng, vẫn còn thường xuyên thanh toán những khoản tiền mặt quá lớn, việc thanh toán tiền hàng bằng những khoản tiền lớn sẽ không an toàn cho quỹ tiền mặt và không kinh tế.

- Cuối tháng định kỳ công ty chưa tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt và lập bảng kiểm kê quỹ. Việc theo dõi đối chiếu số tiền thực tế có tại quỹ với số quỹ gặp khó khăn. Như vậy ảnh hưởng việc tới việc mua bán chi tiêu bằng tiền mặt của công ty.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH nội thất thủy Sejin Vinashin.

Nâng cao hiệu quả đồng vốn bằng tiền chính là một trong các biện pháp tích cực phát triển hoạt động kinh doanh của công ty. Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền không những cần phát huy những điểm mạnh mà còn phải hạn chế những tồn tại yếu kém để từng bước hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền.

Việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng cần phải tuân theo các yêu cầu sau:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành
- Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty
- Phải đáp ứng được việc cung cấp thông tin kịp thời chính xác
- Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm hiệu

quả

Sau đây là một vài ý kiến đóng góp của em với công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin.

3.2.1. Hoàn thiện về hệ thống sổ sách.

Công ty nên mở thêm các sổ nhật ký đặc biệt: sổ nhật ký thu chi tiền (mở riêng cho thu, chi tiền mặt và thu, chi tiền gửi ngân hàng cho từng loại tiền hoặc cho từng ngân hàng) để việc quản lý tiền được chặt chẽ và chính xác hơn, thuận tiện trong việc kiểm tra lượng tiền thu, chi trong kỳ hay muốn kiểm tra theo dõi vào một thời điểm bất kỳ.

Theo nguyên tắc các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào sổ nhật ký chung nhưng với biện pháp này những nghiệp vụ đã được ghi trong sổ nhật ký đặc biệt sẽ không cần ghi vào sổ nhật ký chung nữa mà cuối tháng kế toán sẽ tổng hợp từ nhật ký đặc biệt ghi một lần vào sổ cái

Sau đây là 2 mẫu sổ cần bổ sung:

Khoá luận tốt nghiệp

Đơn vị:.....

Mẫu số: S03a1-DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm:

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK ...	Ghi có các TK					
	Số hiệu	Ngày tháng			...	...	...	...	Tài khoản khác	
									Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E
			Số trang trước chuyển sang							
			Cộng chuyển sang trang sau							

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khoá luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin

Địa chỉ: KCN An Hồng, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: S03a1-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm: 2012

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 111	Ghi có các TK khác				
	Số hiệu	Ngày tháng			112	141	511	3331	TK khác
A	B	C	D	1	2	3	4	5	
			Số trang trước chuyển sang						
02/12	PT 089	02/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	390.000.000	390.000.000				
03/12	PT 090	03/12	Thu hồi tiền mua vật tư do không chi hết	6.520.000		6.520.000			
....									
28/12	PT 093	28/12	Thu tiền hàng theo HĐGTGT 0000694	19.800.000			18.000.000	1.800.000	
....									
			Cộng chuyển trang sau				...		

- Số này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.30. Trích sổ nhật ký thu tiền

Khoá luận tốt nghiệp

Đơn vị:.....

Mẫu số: S03a2-DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm:

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK ...	Ghi nợ các TK					
	Số hiệu	Ngày tháng			...	...	...	...	Tài khoản khác	
									Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E
			Số trang trước chuyển sang							
			Cộng chuyển sang trang sau							

- Số này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngàythángnăm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khoá luận tốt nghiệp

Đơn vị: Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin
Địa chỉ: KCN An Hồng, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: S03a2-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Năm: 2012

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 111	Ghi nợ các TK khác			
	Số hiệu	Ngày tháng			133	338	642	TK khác
A	B	C	D	1	2	3	4	5
			Số trang trước chuyển sang					
02/12	PC 375	02/12	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2012	816.344			816.344	
....								
07/12	PC 378	07/12	Thanh toán tiền phí chứng thực bản sao	270.000			270.000	
....								
15/12	PC 385	15/12	Thanh toán tiền mua máy vi tính	18.700.000	1.700.000		17.000.000	
....								
28/12	PC 392	28/12	Thanh toán tiền sửa chữa xe 16LD0608	5.005.000	455.000	4.550.000		
....								
			Cộng chuyển trang sau					

- Số này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang
- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.31. Trích sổ nhật ký chi tiền

3.2.2. Hoàn thiện việc hạn chế chi tiêu tiền mặt, tăng chi tiêu tiền gửi ngân hàng

- Với xu hướng chung hiện nay là đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, những khoản tiền lớn doanh nghiệp nên thanh toán qua hệ thống ngân hàng. Bởi lẽ hiện nay hệ thống ngân hàng rất phát triển trên toàn quốc và quốc tế, không chỉ các ngân hàng nhà nước mà hệ thống các ngân hàng tư nhân cũng ngày càng nhiều với các dịch vụ tiện ích.

- Với công nghệ hiện đại, tiên tiến, việc chuyển tiền giữa các ngân hàng diễn ra nhanh chóng và thuận tiện, hơn nữa thanh toán qua ngân hàng sẽ đảm bảo an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển hạn chế tiêu cực xảy ra trong quá trình thanh toán như sai sót, gian lận, trộm cắp,...

3.2.3. Hoàn thiện việc kiểm kê quỹ được tiến hành vào cuối tháng:

Việc kiểm kê quỹ được tiến hành định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm hoặc khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao, biên bản kiểm kê phải ghi số liệu chứng từ vào thời điểm kiểm kê

Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê.

Khi tiến hành kiểm kê phải tiến hành kiểm kê riêng từng loại tiền có trong quỹ, và khi có sự chênh lệch phải ghi rõ nguyên nhân gây ra thừa thiếu và phải báo cáo giám đốc doanh nghiệp xem xét giải quyết.

Bảng kiểm kê quỹ phải được lập thành 2 bản: một bản lưu ở thủ quỹ, một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt.

- Các khoản thừa quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa xác định rõ nguyên nhân:

Nợ TK 111 – tiền mặt

Có TK 338 – phải trả, phải nộp khác (3381)

- Các khoản thiếu quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê chưa xác định rõ nguyên nhân:

Nợ TK 138 – phải thu khác (1381)

Có Tk 111 – tiền mặt

Sau đây là mẫu biên bản kiểm kê quỹ:

Khoá luận tốt nghiệp

Đơn vị:.....

Mẫu số: 08a – TT

Bộ phận:.....

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Số:.....

Hôm nay, vàogiờ ...ngày ...tháng ...năm ...

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà:Đại diện kế toán

Ông /Bà:Đại diện thủ quỹ

Ông/Bà:Đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt hiện có như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	x	
II	Số kiểm kê thực tế	x	
1	Trong đó: - Loại:		
2	-Loại:		
3	-Loại:		
4	-Loại:		
5	-.....		
III	Chênh lệch (III = I – II)	x	

- Lý do: + Thừa:

+ Thiếu:

- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

Khoá luận tốt nghiệp

Ví dụ: Bảng kiểm kê quỹ tháng 12/2012

**Đơn vị: Công ty TNHH Nội thất
thủy Sejin Vinashin**

Mẫu số: 08a – TT

Địa chỉ: KCN An Hồng, An Dương,
Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ (Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào ngày 31/12/2012

Bộ phận kế toán tài vụ tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt tồn quỹ, kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ		185.600.640
II	Số kiểm kê thực tế	x	
1	Trong đó: - Loại: 500.000	120	60.000.000
2	-Loại: 200.000	250	50.000.000
3	-Loại: 100.000	410	41.000.000
4	-Loại: 50.000	540	27.000.000
5	-Loại: 20.000	250	5.000.000
6	-Loại: 10.000	220	2.200.000
	-Loại: 5.000	60	300.000
	-Loại: 2000	40	80.000
	-Loại: 1000	20	20.000
	-Loại: 500	0	
	-Loại: 200	0	
III	Chênh lệch (III = I – II)		640

Lý do:

- Thừa:
- Thiếu: 640 đồng (sáu trăm bốn mươi đồng).
- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ: Chênh lệch 640 đồng (sáu trăm bốn mươi đồng)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.32. Biên bản kiểm kê quỹ

KẾT LUẬN

Việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có ảnh hưởng tới việc phát triển hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền đã trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu đối với mọi doanh nghiệp cũng như các nhà quản lý thì việc hạch toán vốn bằng tiền đòi hỏi cũng phải được kiện toàn.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin, em đã được tìm hiểu thực tế về công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Công ty và đặc biệt là phòng tài chính kế toán đã tạo điều kiện để em có thể nghiên cứu, tiếp cận thực tế, bổ sung những kiến thức đã học ở trường từ đó đối chiếu lý luận thực tiễn. Khóa luận “Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin” đã đề cập đến những vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận: đưa ra những vấn đề chung nhất về vốn bằng tiền và tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp
- Về mặt thực tiễn: phản ánh khá đầy đủ về tổ chức hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin với số liệu chứng minh và tình hình thực tế năm 2012. Đồng thời, khóa luận cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty.

Do hạn chế về hiểu biết lý luận và thực tiễn, hơn nữa thời gian thực tập tại công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin có hạn nên trong quá trình nghiên cứu và trình bày bài viết này không tránh khỏi sai sót và hạn chế. Em rất mong có được sự đóng góp và chỉ bảo của các thầy cô cùng cán bộ phòng kế toán trong công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn lãnh đạo công ty cùng toàn thể các cô chú trong phòng kế toán và đặc biệt là cô giáo Ths.Đồng Thị Nga đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày 26 tháng 6 năm 2014

Sinh viên

Đặng Huyền Trang

- 1- Giáo trình Kế toán tài chính – TS Võ Văn Nhị, Th.s Trần Thị Duyên, Th.s Nguyễn Thị Ngọc Dung – NXB thống kê.
- 2- 162 sơ đồ kế toán doanh nghiệp – Th.s Hà Thị Ngọc Hà, CN Vũ Đức Chính – NXB thống kê.
- 3- Các sổ sách kế toán, hóa đơn chứng từ, các báo cáo tài chính, báo cáo kiểm soát, điều lệ và tài liệu phân tích hoạt động kinh tế của Công ty TNHH Nội thất thủy Sejin Vinashin.
- 4- Khóa luận tốt nghiệp của các khóa trước.
- 5- Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp theo chế độ kế toán mới hiện hành – TS Võ Văn Nhị
- 6- Hướng dẫn hạch toán kế toán báo cáo tài chính doanh nghiệp – TS Võ Văn Nhị.
- 7- Trang web w.w.w.webketoan.com